

ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG

20
24



HYBRID
COOLING



STREAMER
TECHNOLOGY

Ezyme
blue +PM2.5

INVERTER

COANDA

 **D-MOBILE**



Quét để xem thư viện
E-Catalogue

CHUYÊN GIA KHÔNG KHÍ HÀNG ĐẦU NHẬT BẢN

KHÔNG KHÍ HOÀN HẢO CHO MỌI KHÔNG GIAN

Không khí luôn gắn liền với sự sống ở mọi nơi trên Trái Đất.

Để giữ cho nguồn không khí hoàn hảo lan toả khắp nơi, Daikin thấu hiểu tầm quan trọng của không khí nơi bạn đang hít thở mỗi ngày.

Dù bất cứ đâu, Daikin luôn mong muốn tạo ra “Không Khí Hoàn Hảo Cho Mọi Không Gian”.

Tại Việt Nam, với sự đa dạng về khí hậu, Daikin linh hoạt tạo ra nguồn không khí hoàn hảo để thích nghi với từng địa phương và tập trung cải thiện cuộc sống của người Việt. Dù bạn ở miền Nam hay miền Bắc, Daikin đều mang đến nguồn không khí chất lượng, hoàn hảo cho giấc ngủ ngon, cho những phút giây thư giãn, hay tập trung làm việc, dù là trong không gian ấm cúng phòng ngủ hay rộng rãi văn phòng. Tất cả loại hình không gian khác nhau, có Daikin, đều đáng sống.

Với công nghệ được tạo thành và hoàn thiện trong suốt gần 100 năm, Daikin sẽ mang đến không khí hoàn hảo cho mọi không gian tại Việt Nam, dù trong điều kiện thời tiết nhiều nét đặc thù.

Tự hào là Chuyên gia toàn cầu về không khí, Daikin đã, đang và sẽ không ngừng mang đến nguồn không khí hoàn hảo cho tất cả mọi người trên thế giới, trong đó có Việt Nam.



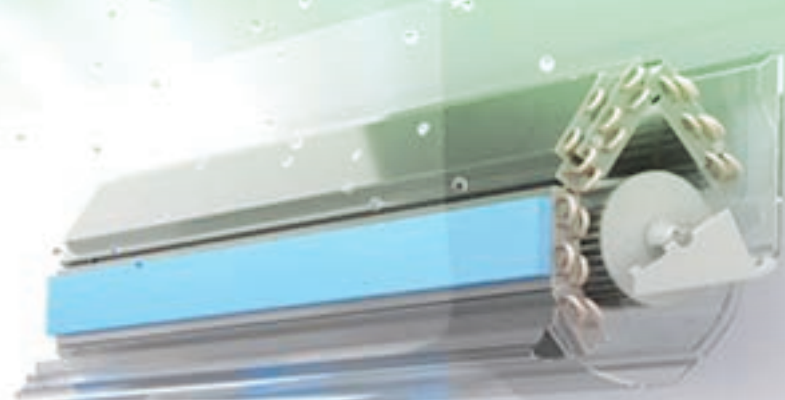
MỤC LỤC

Dãy sản phẩm và Tính năng.....	03-04	Hướng dẫn chọn máy điều hòa phù hợp	21-22
Hybrid Cooling - Cân bằng độ ẩm	05-06	Thông số kỹ thuật	23-38
Streamer - Lọc khí tối ưu	07-10	Mô tả tính năng	39-40
Làm lạnh nhanh	11-12	Dịch vụ sau bán hàng	43-44
Vận hành êm ái	13-14		
Inverter - Tiết kiệm tối đa	15-16		
Độ bền cao	17-18		
Dmobile - Điều khiển thông minh	19-20		

CÁC DÒNG SẢN PHẨM

	 FTKZ INVERTER	 FTKY INVERTER	MỚI  FTKF ATKF INVERTER		MỚI  FTKB ATKB INVERTER	 FTF ATF	 FTXM INVERTER	 FTXV INVERTER	 FTHF/ ATHF INVERTER
ĐỘ ẨM CÂN BẰNG									
 Hybrid Cooling (Điều tiết đồng thời độ ẩm & nhiệt độ)	●						●		
 Humidity sensor (chế độ khử ẩm)		●							●
LỌC KHÍ TỐI ƯU									
 Công nghệ Streamer	●	●	●				●		25/35
 Chống ẩm mốc kết hợp Streamer	●	●	●				●		25/35
 Chống ẩm mốc bên trong dàn lạnh					●				50/60/71
 Phin lọc Enzyme Blue kết hợp PM2.5		●	●		FTKB	Tùy chọn	●		25/35
 Phin lọc Enzyme Blue	●	Tùy chọn	Tùy chọn		ATKB	Tùy chọn	Tùy chọn	●	50/60/71
THOẢI MÁI, TIỆN NGHI									
 Làm lạnh nhanh Inverter	●	●	●		●		●	●	●
 Làm lạnh nhanh						●			
 Chế độ dàn lạnh hoạt động êm	●	●	●		●		●	●	●
 Chế độ dàn nóng hoạt động êm	●	●	●		●		●	●	●
 Chế độ ngủ ban đêm	●	●	●		●		●	●	●
LUỒNG GIÓ THOẢI MÁI									
 Luồng gió Coanda	●	●	●		●		●	●	●
 Luồng gió 3D	●	●	●				●	●	
 Đảo gió tự động phương đứng (lên và xuống)	●	●	●		●	●	●	●	●
 Đảo gió tự động phương ngang (trái và phải)	●	●	●				●	●	
TIẾT KIỆM TỐI ĐA									
 Máy thần thông minh tiêu chuẩn (tiết kiệm năng lượng)	●	●					●	●	●
 Máy thần thông minh 2 khu vực (chế độ tập trung và thoải mái)	25/35						25/35	25/35	
 Chế độ chờ tiết kiệm điện	●	●	●		●		●	●	●
 Chế độ tiết kiệm điện ECONO	●	●	●		●		●	●	●
ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH									
 Điều khiển qua điện thoại thông minh trên D-mobile	●	Tùy chọn	Tùy chọn		Tùy chọn		Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
 Điều khiển từ xa không dây có đèn nền	●	●					●	●	50/60/71
 Điều khiển từ xa có nút dạ quang		●	●		●	●			●
 Chế độ khóa ngừa trẻ em		●							50/60/71
 Cài đặt thời gian tắt/mở 24 giờ	●						●	●	
BỀN BỈ, AN TÂM									
 Super PCB bảo vệ bo mạch khi điện áp dao động	●	●	●		●				25/35
 Cảnh tần nhiệt đồng-nhôm xử lý chống ăn mòn	25/35	25/35	25/35/50		25/35/50	●	●	●	●
 Cảnh tần nhiệt microchannel chống ăn mòn	50/60/71	50/60/71	60		60				

HYBRID COOLING



Độ ẩm được cân bằng nhờ dàn trao đổi nhiệt độc đáo được phát triển bởi Daikin

LUÔN DUY TRÌ ĐỘ ẨM LÝ TƯỞNG 55-65%*

Công nghệ Hybrid Cooling giúp cân bằng độ ẩm ngay cả khi làm lạnh ở tải thấp bằng cách cải tiến bộ trao đổi nhiệt của dàn lạnh sang chế độ khử ẩm bất kỳ lúc nào.

* Mức độ ẩm đạt được tùy điều kiện phòng.

LỢI ÍCH CỦA ĐỘ ẨM CÂN BẰNG



PHÒNG BỆNH HÔ HẤP

Độ ẩm cao là môi trường lý tưởng cho các vi khuẩn gây bệnh đường hô hấp ở trẻ nhỏ. Việc giảm độ ẩm xuống ở mức hợp lý sẽ giúp cho trẻ nhỏ của bạn phòng được các bệnh khi thời tiết bên ngoài đang rất nóng và độ ẩm cao.



TIẾT KIỆM HƠN

Độ ẩm quá cao khiến bạn phải cài đặt mức nhiệt độ xuống thấp gây tốn nhiều điện năng.

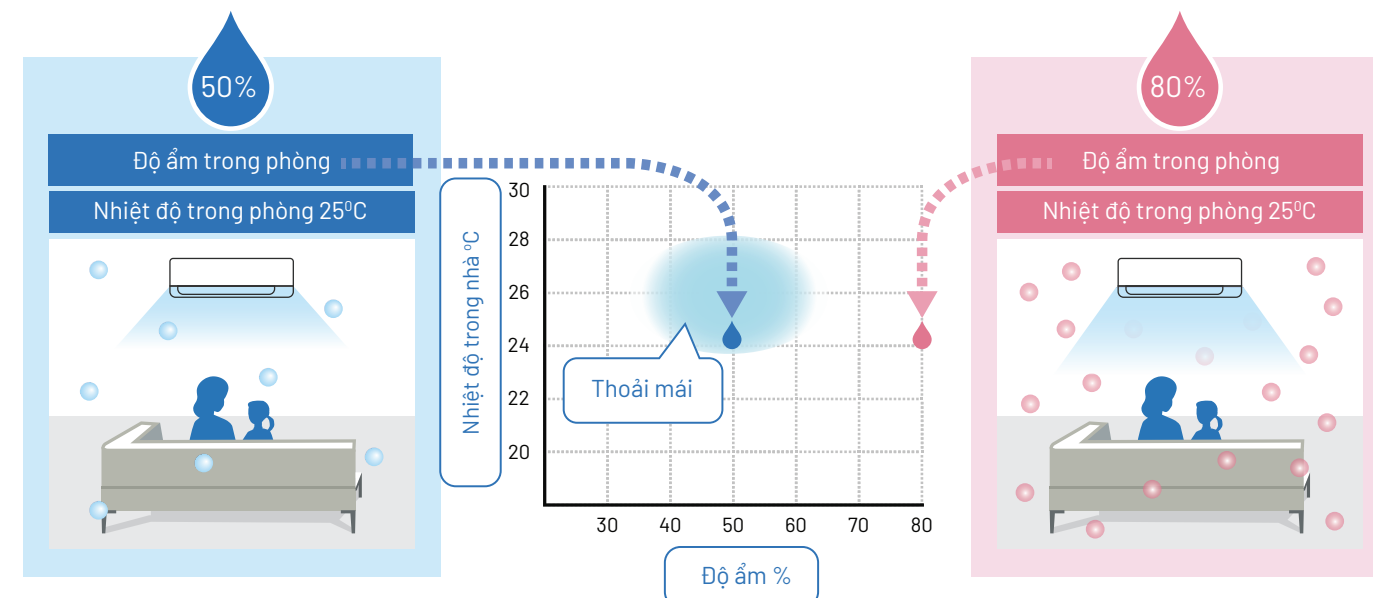
Nhưng với dòng máy FTKZ, FTXM sự thoải mái đến từ việc cân bằng ẩm mà không cần điều chỉnh nhiệt độ thấp, đồng thời năng lượng tiêu hao cũng ít hơn.



BẢO VỆ NỘI THẤT

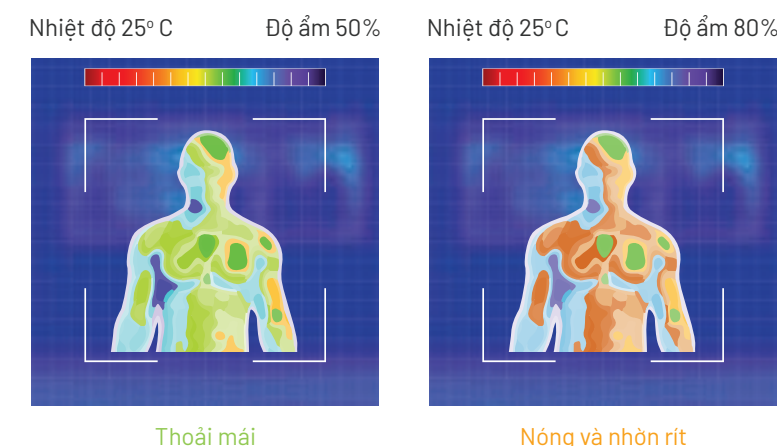
Nội thất bị ẩm mốc do độ ẩm cao từ nay đã được giải quyết bằng công nghệ Hybrid Cooling.

Nấm mốc sẽ không thể sinh sôi bởi tính năng cân bằng ẩm độc đáo này, giúp cho nội thất tránh hư hỏng.



Con người giải phóng nhiệt cơ thể bằng cách làm bay hơi độ ẩm trên da, nghĩa là chúng ta cảm thấy mát hơn với độ ẩm thấp hơn.

Daikin đã sử dụng kiến thức này để tạo ra sự cân bằng thoải mái hơn giữa nhiệt độ và độ ẩm.

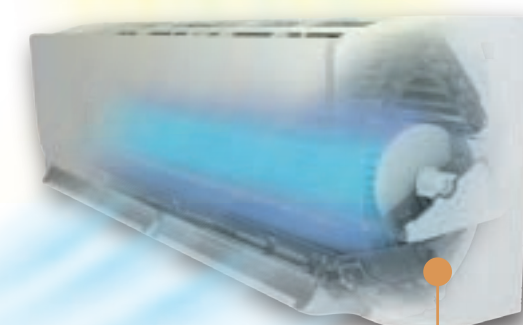


THOẢI MÁI VỚI CẢM BIẾN ẨM

Tăng cường khả năng khử ẩm và làm lạnh nhanh hơn

HUMIDITY SENSOR

Với cảm biến ẩm – Humidity Sensor bên trong dàn lạnh giúp tăng cường khả năng khử ẩm và làm lạnh nhanh hơn 25% so với dòng máy thông thường, giúp mang lại cảm giác thoải mái tối đa ngay cả khi thời tiết oi bức.



Cảm biến độ ẩm

Bằng cảm biến ẩm, công suất của máy điều hòa không khí có thể được duy trì để giữ sự thoải mái liên tục.

LỌC KHÍ TỐI ƯU

ĐẸ DÀNG LÀM SẠCH KHÔNG KHÍ TRONG PHÒNG

NHANH HƠN
1.000 lần

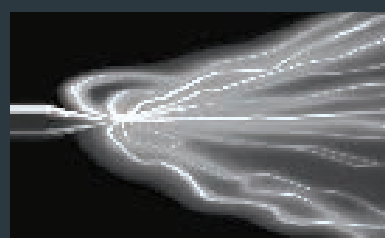
so với phương pháp phóng điện
Plasma thông thường *

STREAMER

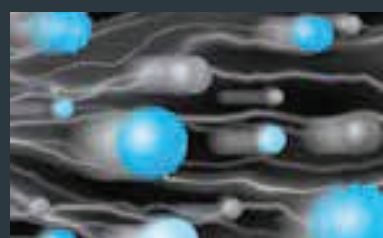
Công nghệ độc quyền Streamer với hình thức phóng điện Plasma tạo ra những dòng electron tốc độ cao có khả năng phân hủy lên đến 99,9% vi khuẩn, vi rút, nấm mốc và các chất gây hại bám trên màng lọc. Các electron này khi kết hợp với Ni-tơ và Oxy trong không khí tạo thành các phân tử oxy hóa có sức mạnh phân hủy hơn 1.000 lần so với phóng điện thông thường và tương đương với một nhiệt lượng ở khoảng 100,000°C.

QUÁ TRÌNH PHÂN HỦY BẰNG PHÓNG ĐIỆN STREAMER

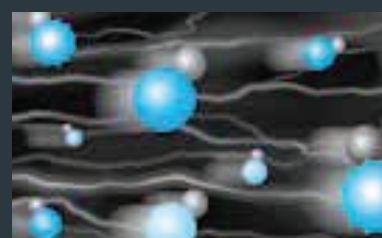
Bước 1: Tạo ra các phân tử phân hủy



Phóng điện Streamer tạo ra các electron tốc độ cao

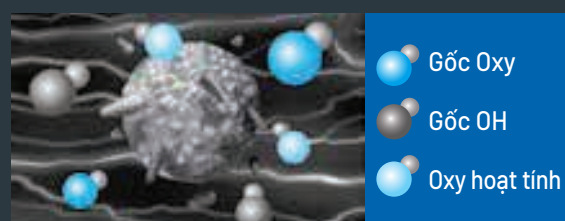


Các electron này tiếp xúc và kết hợp với Nitơ và Oxy trong không khí

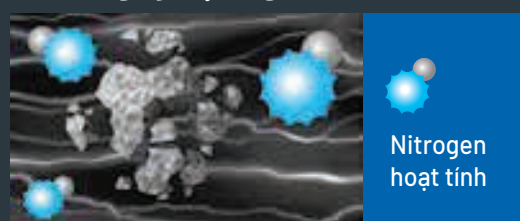


Hợp chất này tạo ra các phân tử phân hủy tốc độ cao

Bước 2: Phân hủy các chất gây dị ứng



Phân hủy sơ cấp (phân hủy bề mặt)



Phân hủy thứ cấp (phân hủy bên trong)

HIỆU QUẢ CỦA CÔNG NGHỆ STREAMER



Vô hiệu hoá virus



Phân huỷ
Loại bỏ nấm mốc



Phân huỷ khí thải
+ các phần tử diesel



Loại bỏ tác nhân
mùi hôi

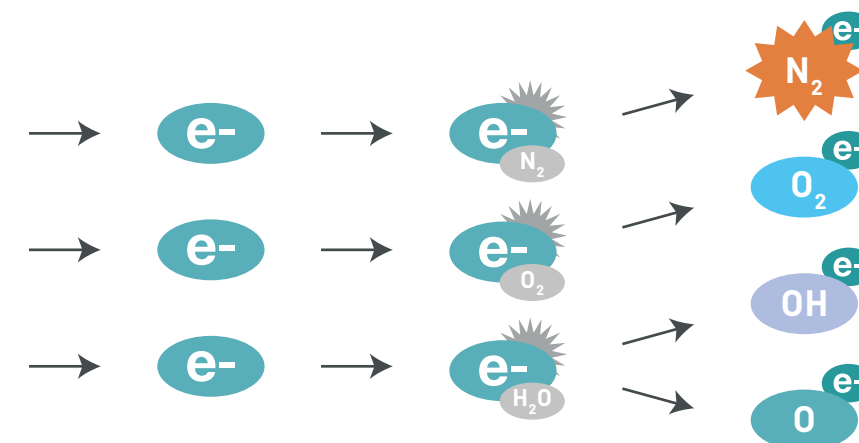


Phân huỷ tận lõi
các chất gây dị ứng

4 LOẠI THÀNH PHẦN PHÂN HỦY ĐƯỢC TẠO RA TỪ PHÓNG ĐIỆN STREAMER

Phát ra các điện tử tốc độ cao với tốc độ 2.000km/s bằng cách phóng điện trực tiếp.

Các electron tốc độ cao va chạm với Ni-tơ, Oxy và hơi nước trong không khí để tạo ra bốn nguyên tố phân hủy.



Các thành phần phân hủy của Daikin

Các thành phần phân hủy chung

Các thuộc tính phân hủy cực mạnh



Yếu tố phân hủy

Nitơ tích điện
10 - 12ev⁺²

Oxy tích điện
4.4ev⁺²

Gốc Hydroxyl
4.3ev⁺²

Gốc Oxy
4.2ev⁺²

Năng lực phân hủy

Năng lượng nhiệt tương đương với 16 suns⁺³

Năng lượng nhiệt tương đương với 7.3 suns⁺³

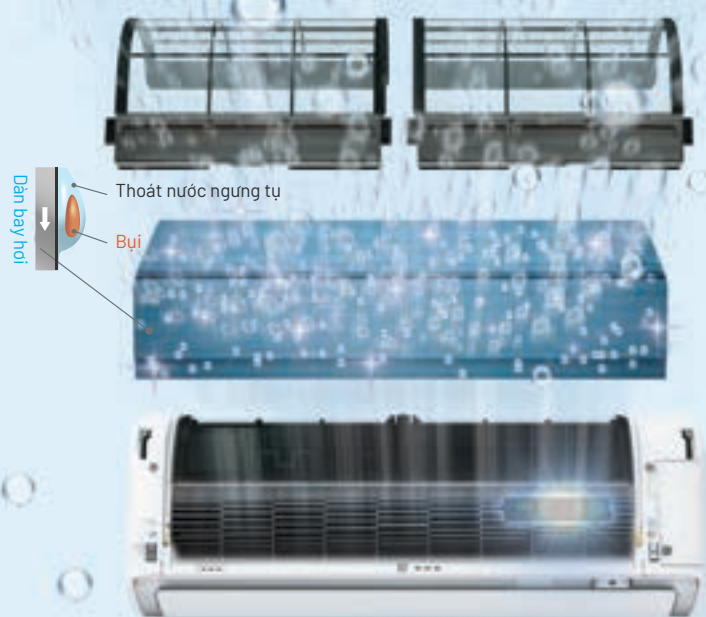
Năng lượng nhiệt tương đương với 7.2 suns⁺³

Năng lượng nhiệt tương đương với 7 suns⁺³



*Theo điều kiện phòng thí nghiệm.
Scan mã QR code để xem chi tiết.

HOẠT ĐỘNG CHỐNG ẨM MỐC VỚI STREAMER



Nước ngưng tụ được tạo ra trong quá trình vận hành làm lạnh được sử dụng để loại bỏ bụi bẩn bên trong bộ trao đổi nhiệt. Sau khi làm sạch bằng nước ngưng tụ, máy sẽ tự động hoạt động ở chế độ chỉ chạy quạt trong vòng 1 giờ để làm khô dàn trao đổi nhiệt với Streamer.

Bên cạnh đó luồng điện Streamer phóng ra và làm khô bên trong dàn lạnh, dàn tản nhiệt và đường thổi gió, làm vô hiệu hóa các chất độc hại như vi rút, nấm mốc và các chất gây dị ứng.



RỬA SẠCH
Dàn tản nhiệt bằng
"hoạt động làm lạnh"

**TỐI ĐA
60 PHÚT**



SẤY KHÔ
Dàn trao đổi nhiệt bằng
"chức năng chống ẩm mốc"

**TỐI ĐA
60 PHÚT**



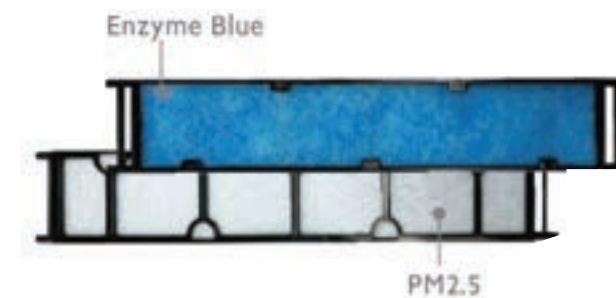
VÔ HIỆU HÓA
Vi rút, nấm mốc và các chất dị
ứng bằng Streamer

CHÚ Ý

1. Chức năng này không được thiết kế để loại bỏ bụi hoặc nấm mốc hiện có.
2. Trong thời gian thực hiện chức năng này, nhiệt độ phòng sẽ giảm đáng kể, vì vậy hãy sử dụng chức năng này khi phòng không có người.
3. Hình ảnh này chỉ mang tính chất minh họa cho tính năng Mould proof.

PHIN LỌC Enzyme Blue + PM2.5

Phin lọc Enzyme Blue + PM2.5 tinh lọc không khí với lớp khử mùi Enzyme Blue và lớp lọc PM2.5 sẽ mang lại hiệu quả kép: vừa loại bỏ các tác nhân gây mùi, chất gây dị ứng, nấm mốc, vi khuẩn, virus đồng thời loại bỏ các hạt bụi mịn PM2.5



©D.H.T., 2000



Lọc mùi
khó chịu

Chống
dị ứng

Chống
vi khuẩn

Chống
virus

Lọc bụi mịn
PM2.5

HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT CHỨC NĂNG CHỐNG ẨM MỐC

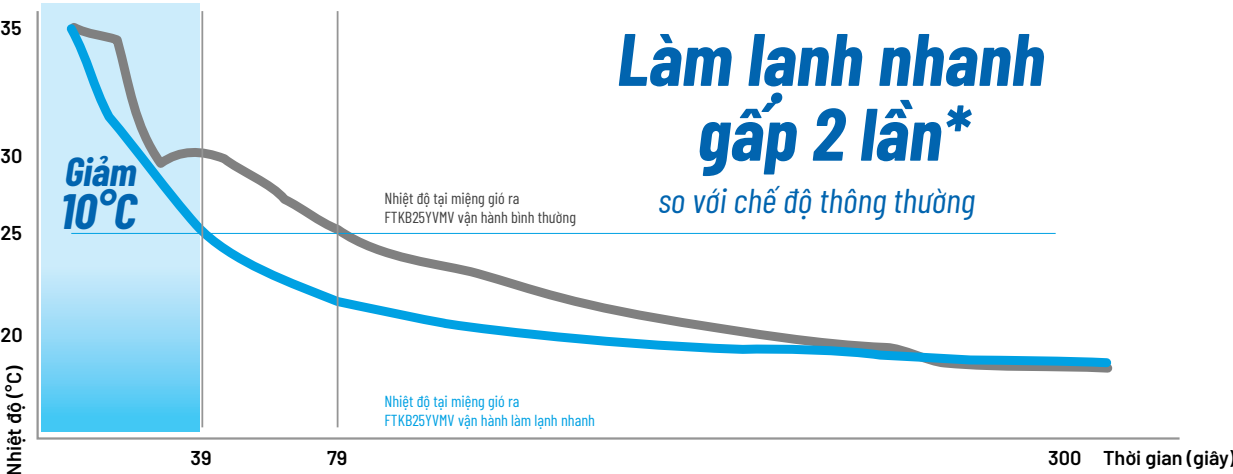
TÌNH TRẠNG MÁY ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ	CÁCH VẬN HÀNH	KÍCH HOẠT CHẾ ĐỘ	HỦY CHẾ ĐỘ
Cài đặt trong khi điều hòa không khí đang mở (Tự động)	Trong khi máy điều hòa không khí đang mở, nhấn nút  và giữ trong vòng 2 giây. Sau đó ký hiệu  sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.	Sau khi cài đặt, chế độ này sẽ được vận hành tự động mỗi lần tắt máy điều hòa không khí. Chế độ này sẽ vận hành trong 60 phút	Trong khi máy điều hòa không khí đang bật, nhấn nút và giữ trong vòng 2 giây. Sau đó ký hiệu sẽ biến mất trên màn hình LCD Hủy bỏ đột ngột Nhấn OFF hủy bỏ đột ngột
Cài đặt trong khi điều hòa không khí đang tắt (Thủ công)	Trong khi máy điều hòa không khí tắt, nhấn nút  và giữ trong vòng 2 giây.  nhấp nháy trên màn hình LCD và màn hình sẽ trở lại bình thường sau một thời gian.	Hoạt động chỉ 1 lần	Không cần phải hủy bỏ do chỉ hoạt động 1 lần. Hủy bỏ đột ngột Nhấn OFF hủy bỏ đột ngột



LÀM LẠNH NHANH CHÓNG, MANG LẠI SẢNG KHOẢI TỨC THÌ



Tính năng làm lạnh nhanh mới giúp máy nén & quạt dàn lạnh hoạt động ở tốc độ cao, lưu lượng gió đạt mức cực đại. Rất tiện lợi khi bạn muốn nhiệt độ trong phòng nhanh đạt nhiệt độ cài đặt. Sau 20 phút, máy sẽ tự động trở về chế độ cài đặt trước đó.



ĐIỀU KIỆN THỬ NGHIỆM

Model thí nghiệm Daikin: FTKB25YVMV
Tại phòng thí nghiệm Nhà máy Daikin Hưng Yên

Kích thước phòng

- Rộng x Dài x Cao: 5 x 4,5 x 4,07 (m)
- Diện tích: 22,5 m²

Điều kiện thử nghiệm:

- Nhiệt độ phòng ban đầu: 35°C
- Độ ẩm ban đầu: 40%
- Nhiệt độ bên ngoài: 35°C

Chế độ Powerful

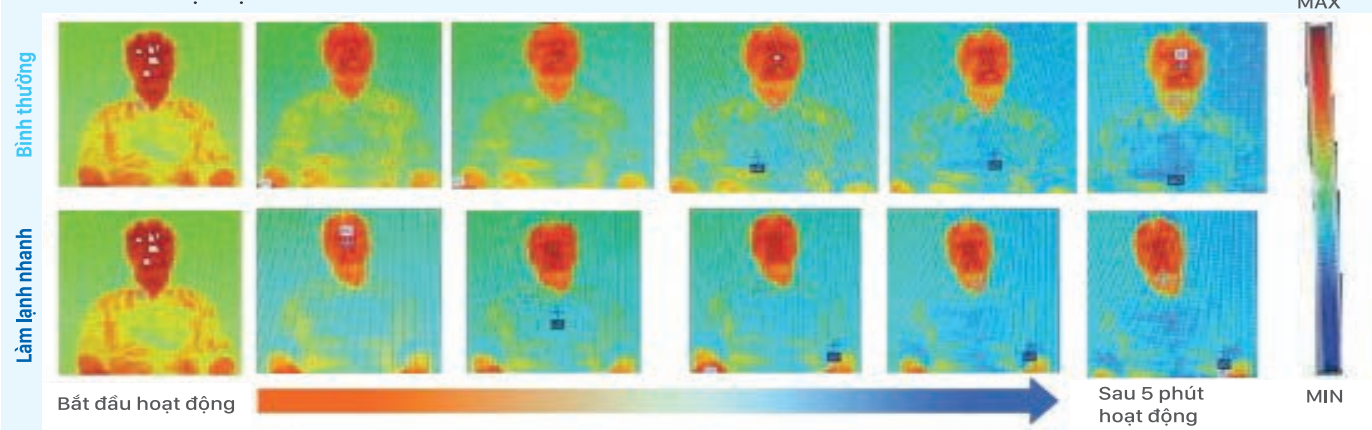
- Nhiệt độ cài đặt: 16°C
- Tốc độ quạt: Cao
- Hướng gió ngang: Thẳng
- Hướng gió dọc: Tự động

Chế độ làm mát thông thường

- Nhiệt độ cài đặt: 16°C
- Tốc độ quạt: Cao
- Hướng gió ngang: Thẳng
- Hướng gió dọc: Tự động

* So sánh chế độ làm lạnh nhanh POWERFUL và chế độ vận hành thông thường ở dòng Inverter FTKB25YVMV. Tổng thời gian để giảm nhiệt độ tại cửa gió ra từ 35°C xuống 25°C.

Hình 1: Nhiệt độ cơ thể



Nhiệt độ của bề mặt có thể được hạ xuống bằng cách loại bỏ nhiệt của cơ thể khi mồ hôi trên bề mặt cơ thể bay hơi

LUỒNG GIÓ THOẢI MÁI



Không còn lo lắng gió thổi trực tiếp, mang lại sự thoải mái tối đa.



Ở chế độ làm lạnh, luồng gió Coanda thổi gió hướng lên trên, đi dọc theo trần, đưa gió đến các góc phòng mang lại không gian thoải mái, tránh thổi trực tiếp vào người.

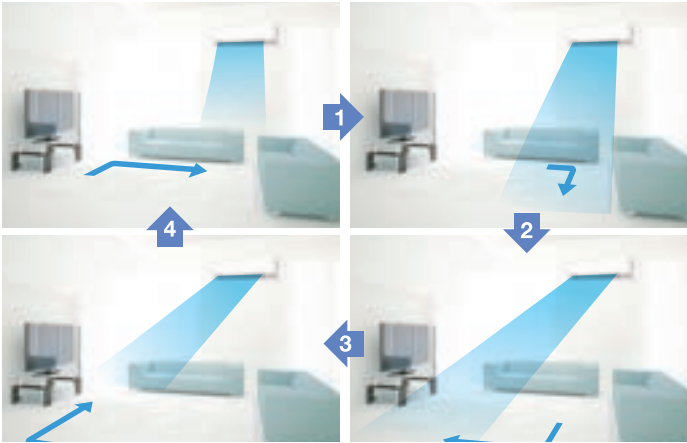
Ở chế độ sưởi, luồng gió Coanda thổi gió dọc theo tường, xuống sàn nhà và làm ấm sàn tạo sự thoải mái tối đa cho người dùng.



LUỒNG GIÓ 3D

Luồng gió 3D kết hợp Đảo gió tự động theo phương dọc và phương ngang để giảm sự dao động nhiệt độ trong nhà.

Chức năng này luân chuyển không khí đến mọi nơi trong phòng để làm mát hoặc sưởi ấm đồng đều cho cả những không gian rộng lớn.



Các cánh đảo gió ngang và dọc cùng đảo, mở rộng vùng thoải mái.

VẬN HÀNH ÊM ÁI CHO BẠN GIẤC NGỦ NGON



DÀN LẠNH VẬN HÀNH ÊM

Chế độ cài đặt đa dạng với 5 cấp (tự động, cao, trung bình, thấp, rất thấp) giúp bạn điều chỉnh tốc độ quạt một cách chính xác tùy theo nhu cầu.

Khi cài đặt hoạt động êm, **dàn lạnh có thể giảm độ ồn từ 3-9 dB(A)** với mức độ cài đặt thấp nhất.

FTKY25WAVMV, FTKY25WMVMV			
Tốc độ quạt	Cao (H)	Thấp (L)	 Yên tĩnh (SL)
Độ ồn dàn lạnh	38 dB(A)	25 dB(A)	7 dB(A) → 18 dB(A)
		SL	L M H
			    
Tốc độ quạt	Thấp ←  Cao		
Độ ồn	Mỗi bước giảm trong lưu lượng gió sẽ làm giảm độ ồn		

*18dB(A) yên lặng đến mức bạn có thể nghe cả tiếng thì thầm

Chọn tốc độ quạt và chế độ dàn lạnh hoạt động êm



Chế độ dàn nóng hoạt động êm

Chỉ
18dB(A)



DÀN NÓNG VẬN HÀNH ÊM

Tính năng này sẽ làm giảm độ ồn 3-7 dB(A) giúp bạn ngủ ngon hơn vào ban đêm.

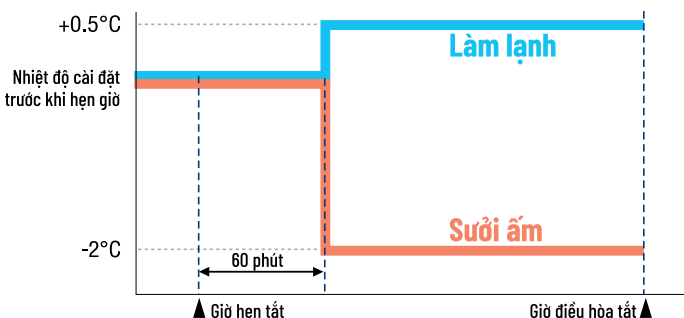
18	20	30	40	43	50
Âm thanh vận hành dàn lạnh	Tiếng lá rơi	Tiếng quả lắc	Thư viện	Âm thanh vận hành dàn nóng	Văn phòng

Dựa vào "Ví dụ về các mức độ ồn", Bộ Môi Trường Nhật Bản, tháng 11/ 2002.



CHẾ ĐỘ VẬN HÀNH BAN ĐÊM

Hẹn giờ TẮT sẽ tự động kích hoạt **Chế độ cài đặt ban đêm**. Chức năng này ngăn chặn tình trạng làm mát hoặc sưởi ấm quá mức để mang lại giấc ngủ dễ chịu. Sau 60 phút, nhiệt độ phòng tăng lên 0,5°C khi vận hành làm lạnh hoặc giảm 2°C khi vận hành sưởi ấm.

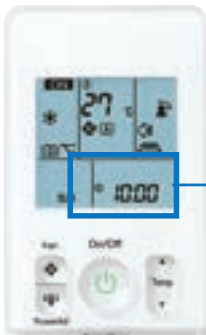


HẸN GIỜ TẮT / MỞ 24H

Bộ hẹn giờ này có thể khởi động hoặc dừng máy điều hòa trong khoảng thời gian 24 giờ.

Nó có thể được cài đặt trước trong 10 phút bằng cách nhấn nút hẹn giờ Bật/Tắt trên bộ điều khiển từ xa.

Hẹn giờ MỞ và hẹn giờ TẮT có thể được sử dụng kết hợp.



Hẹn giờ tắt lúc 1:00 sáng
Hẹn giờ mở lúc 6:00 sáng



HẸN GIỜ TẮT / MỞ ĐẾM NGƯỢC

Thời gian bắt đầu và dừng hoạt động có thể được đặt bằng cách chạm vào một nút duy nhất và đặt trước trong khoảng thời gian từ 1 đến 12 giờ với khoảng tăng một giờ.

Chế độ vận hành ban đêm sẽ tự động được kích hoạt khi hẹn giờ tắt được cài đặt.



Hẹn giờ tắt sau 3 tiếng
và Hẹn giờ mở lại sau 8 tiếng

TIẾT KIỂM ĐIỆN NĂNG VƯỢT TRỘI

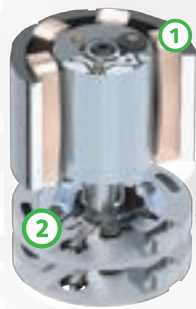
TỐI ƯU HÓA KHẢ NĂNG LÀM LẠNH VỚI ĐIỆN NĂNG TIÊU THỤ THẤP NHẤT

CÔNG NGHỆ



Máy nén Swing ít bị mài mòn hơn nhờ vào cấu trúc tích hợp giữa cánh gạt và trục quay.

Hoạt động hiệu quả và ít rung hơn so với máy nén trục quay của các hãng khác.



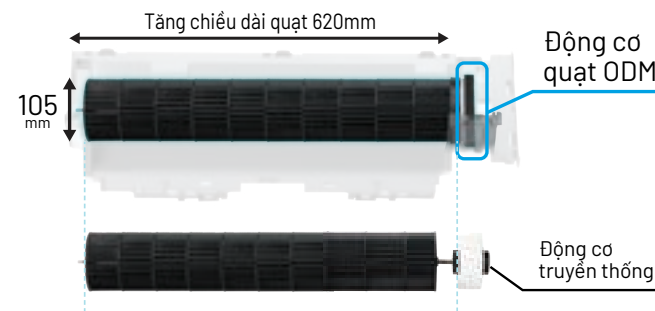
MÁY NÉN SWING ĐỘC QUYỀN

- HIỆU QUẢ HƠN 20% SO VỚI ĐỘNG CƠ AC
- HOẠT ĐỘNG ÊM
- TUỔI THỌ CAO

ĐỘNG CƠ ODM

Có diện tích bề mặt nam châm lớn hơn, từ đó tăng cường độ từ trường đem lại hiệu suất và momen cao hơn mà không gây ồn.

So với động cơ truyền thống, quạt và động cơ ODM mỏng, giúp quạt có chiều rộng và đường kính lớn, tạo ra lượng không khí lớn nhưng vẫn đảm bảo dàn lạnh vận hành êm ái.



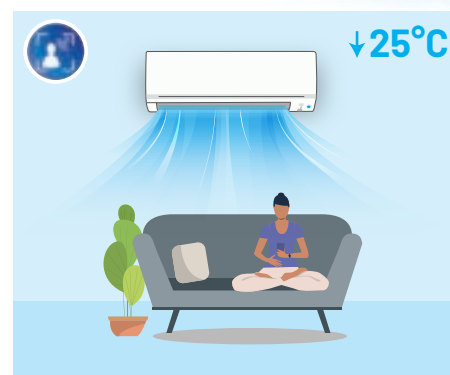
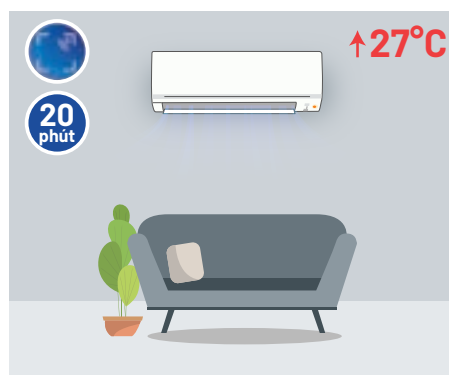
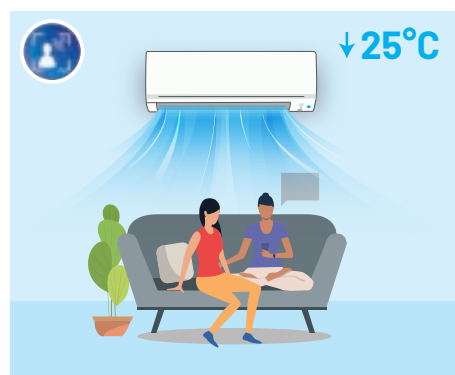
TIẾT KIỂM ĐIỆN NĂNG VỚI MẮT THẦN THÔNG MINH

Mắt thần ngăn hao phí năng lượng bằng cách sử dụng cảm biến hồng ngoại để phát hiện chuyển động của người trong phòng.

Nếu không có chuyển động trong 20 phút, mắt thần sẽ tự động điều chỉnh nhiệt độ cài đặt khoảng 2°C. Khi mắt thần được bật, nó sẽ tự động vận hành mà không phải cài đặt gì thêm.



Mắt thần thông minh
Đèn báo mắt thần hoạt động



*Tính năng này có ở các dòng FTKZ, FTKY, FTXM, FTXV, FTHF, ATHF

TẤT CẢ MODEL INVERTER ĐỀU ĐẠT 5 SAO NĂNG LƯỢNG

CSPF (Hệ số hiệu suất làm lạnh theo mùa) là hiệu suất hoạt động theo năm của máy điều hòa không khí trong điều kiện gần với điều kiện thực tế cho các ứng dụng cụ thể (tòa nhà, v.v.) và thời gian hoạt động. Hệ số CSPF cao hơn, hiệu suất năng lượng của máy tốt hơn, có nghĩa là điện năng tiêu thụ thấp hơn, giúp tiết kiệm hơn.

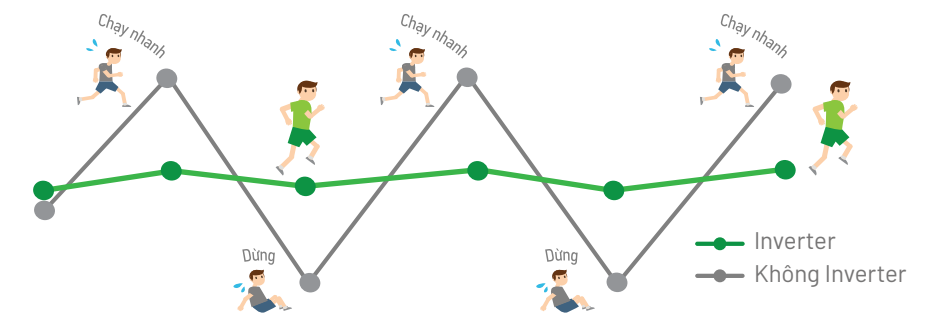
$$CSPF = \frac{\text{Tổng công suất làm lạnh theo mùa (kWh)}}{\text{Tổng công suất tiêu thụ điện theo mùa (kWh)}}$$



THƯƠNG HIỆU ĐIỀU HÒA
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG CAO NHẤT
BỘ CÔNG THƯƠNG CHỨNG NHẬN

ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ INVERTER CỦA DAIKIN ĐƯỢC BIẾT ĐẾN NHƯ MỘT CƠ CHẾ ĐIỀU KHIỂN HOẠT ĐỘNG CHÍNH XÁC, GIÚP CẮT GIẢM HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN SO VỚI CÁC DÒNG MÁY KHÔNG CÓ CHỨC NĂNG INVERTER, ĐỒNG THỜI MANG LẠI SỰ TIỆN NGHI THOẢI MÁI VÀ MỘT MÔI TRƯỜNG ĐIỀU HÒA LÝ TƯỞNG CHỈ VỚI MỘT NÚT NHẤN.

TIẾT KIỂM DÀI HẠN

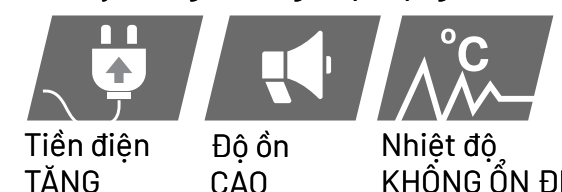


Máy Inverter hoạt động:



Hệ thống Inverter của Daikin có khả năng tăng công suất để đạt được nhiệt độ mong muốn một cách nhanh chóng. Khi nhiệt độ trong phòng gần đạt đến nhiệt độ cài đặt, máy sẽ duy trì ở nhiệt độ ổn định mà không làm lãng phí điện năng giúp tiết kiệm điện một cách đáng kể.

Máy thông thường hoạt động:



Máy điều hòa không Inverter khởi động và dừng máy nén liên tục để duy trì ở nhiệt độ cài đặt trước. Quá trình khởi động và dừng liên tục này sẽ yêu cầu một nguồn năng lượng lớn để khởi động lại động cơ máy nén dẫn đến lãng phí điện năng.

AN TÂM VỚI ĐỘ BỀN CAO

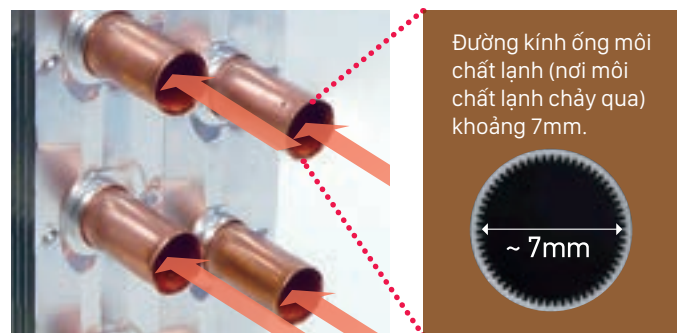


DÀN TẢN NHIỆT MICROCHANNEL CHỐNG ẼN MÒN

Dàn trao đổi nhiệt Microchannel sử dụng lợi thế các vi ống dẫn môi chất lạnh giúp hiệu suất giải nhiệt được tối ưu hơn, đồng thời với chất liệu **hợp kim Nhôm-Kẽm** sẽ mang lại độ bền vượt trội, chống lại sự ăn mòn của muối biển, thích hợp cho ngay cả khi lắp ở khu vực gần biển.

- ✓ Gia tăng khả năng chống ăn mòn
- ✓ Gia tăng độ bền
- ✓ Gia tăng hiệu suất truyền nhiệt

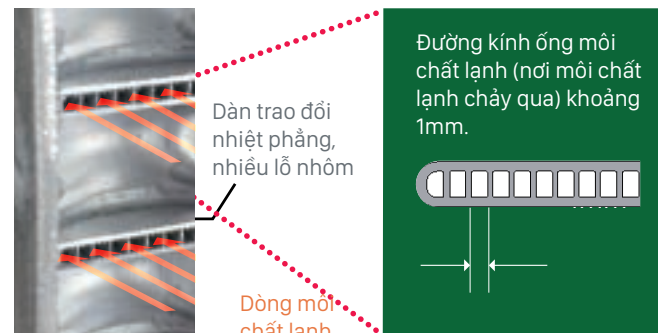
Ống và cánh tản nhiệt thông thường



Đường kính ống môi chất lạnh (nơi môi chất lạnh chảy qua) khoảng 7mm.

~7mm

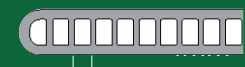
Dàn trao đổi nhiệt Microchannel



Dàn trao đổi nhiệt phẳng, nhiều lỗ nhôm

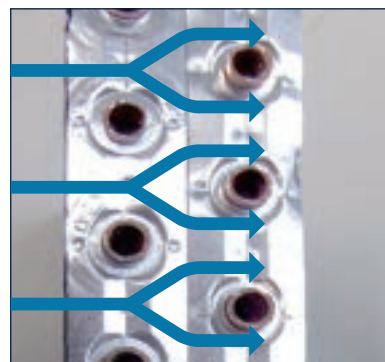
Dòng môi chất lạnh

Đường kính ống môi chất lạnh (nơi môi chất lạnh chảy qua) khoảng 1mm.

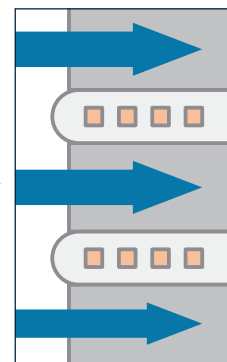


Chỉ có trên dòng FTKZ50/60/71, FTKY50/60/71, FTKF60, FTKB60

Dàn trao đổi nhiệt truyền thống



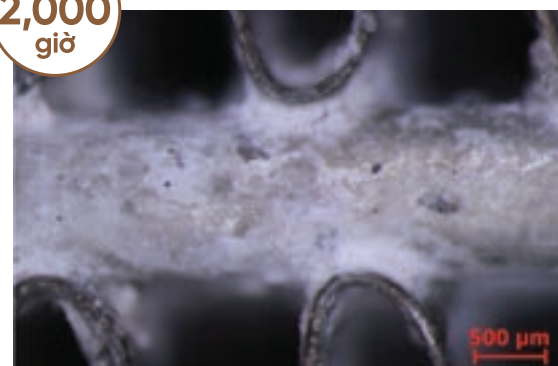
Dàn trao đổi nhiệt Microchannel



Các ống của dàn tản nhiệt được làm phẳng giúp cải thiện lưu lượng gió và tăng hiệu suất truyền nhiệt

Sử dụng các ống trao đổi nhiệt phẳng và nhiều lỗ gia tăng diện tích tản nhiệt giúp tiết kiệm năng lượng.

sau 2,000 giờ



Thí nghiệm khả năng chống ăn mòn dàn tản nhiệt Microchannel

Thời gian thực hiện	2,000 giờ
Dung dịch được phun	Dung dịch nước muối NaCl
Nơi thực hiện	Trung tâm nghiên cứu và phát triển Daikin Thái Lan
Kết quả	Dàn trao đổi nhiệt không bị xi do ăn mòn



SUPER PCB - BẢO VỆ BOMẠCH KHI ĐIỆN ÁP THAY ĐỔI

Máy điều hòa không khí Inverter của Daikin được trang bị một mạch điện tử có độ bền cao có thể chịu được điện áp lên đến 440V, Cho phép máy hoạt động bền bỉ ở những khu vực có điện áp không ổn định.

* Mức điện áp hoạt động của FTKZ từ 130V - 264V

** Mức điện áp hoạt động của FTKY, FTKF/ATKF, FTKB/ATKB, FTHF25/35, ATHF25/35 từ 150V-264V
(Lưu ý: chỉ bảo vệ khi sử dụng điện 1 pha)



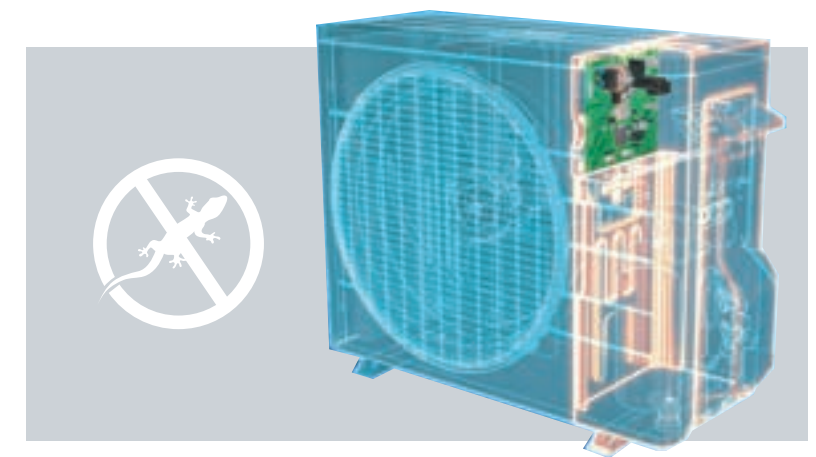
Chịu được điện áp từ 130V đến 440V



THIẾT KẾ DÀN NÓNG CHỐNG THẦN LẦN XÂM NHẬP

Thần lẩn xâm nhập thường là nguyên nhân gây ra hư hỏng bo mạch biến tần.

Daikin đã cải tiến thiết kế dàn nóng để ngăn chặn tối đa sự xâm nhập của thần lẩn, giúp bảo vệ bo mạch.



ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH QUA ĐIỆN THOẠI



Với ứng dụng D-Mobile của Daikin giúp bạn dễ dàng kiểm soát, điều khiển máy điều hòa không khí mọi lúc mọi nơi thông qua điện thoại thông minh.



Dễ dàng kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ mọi phòng chỉ với vài thao tác đơn giản.



**Tận hưởng tiện nghi hơn
KHI BẠN Ở NHÀ**



Theo dõi và điều chỉnh tình trạng hoạt động, nhiệt độ phòng, mở/tắt điều hòa.



**Thoải mái và an tâm
KHI BẠN Ở BÊN NGOÀI**

Chức năng hữu ích



Khóa chống trẻ em



Nhiệt độ phòng hiện tại



Nhiệt độ ngoài trời hiện tại



Chế độ ngày nghỉ tiện nghi



Lập lịch hàng tuần



Điều khiển bằng giọng nói



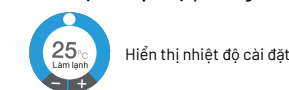
Mở/Tắt



Cài đặt chế độ hoạt động



Cài đặt nhiệt độ phòng



Cài đặt hướng gió thổi

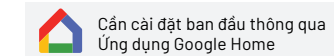


Cài đặt tốc độ quạt

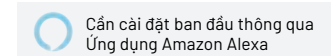


Điều khiển bằng giọng nói

Tương thích với



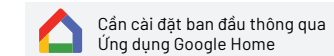
(*1) Điều khiển bằng giọng nói có thể được sử dụng thông qua điện thoại thông minh cùng với Google Assistant.



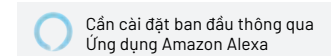
(*2) Điều khiển bằng giọng nói có thể được sử dụng thông qua điện thoại thông minh cùng với Amazon Alexa.

Cho phép vận hành BẬT/TẮT, cài đặt chế độ hoạt động và điều chỉnh nhiệt độ bằng giọng nói

Ngôn ngữ hỗ trợ	Điều khiển qua app Daikin Mobile Controller	Điều khiển giọng nói	
		Trợ lý Google	Amazon Alexa
Tiếng Anh	•	•	•
Tiếng Việt	-	•	-



(*1) Điều khiển bằng giọng nói có thể được sử dụng thông qua điện thoại thông minh cùng với Google Assistant.



(*2) Điều khiển bằng giọng nói có thể được sử dụng thông qua điện thoại thông minh cùng với Amazon Alexa.



**Điều hoà không khí Daikin
với chức năng Wi-Fi**

Chức năng điều khiển bằng giọng nói có thể được sử dụng mà không cần Daikin Mobile Controller sau khi đã cài đặt ban đầu.

Cài đặt ban đầu cho ứng dụng Daikin Mobile Controller là cần thiết.

1. Kết nối máy điều hoà không khí với bộ định tuyến Wi-Fi tại nhà.
2. Bật chế độ vắng nhà (Out of home).
3. Ghép nối với máy điều hoà không khí với nhóm Google Home / Amazon Alexa.

Để sử dụng đầy đủ tính năng điều khiển bằng giọng nói, vui lòng lưu ý rằng phiên bản của Ứng dụng Daikin Mobile Controller phải là 1.16.0 trở lên đối với BRP072C42 và BRP072C42-1, phải là 1.19.0 trở lên đối với BRP084C42 và BRP084C44.

Cấu hình hệ thống yêu cầu



①

Điều khiển máy điều hoà qua ứng dụng



②

Bộ định tuyến Wifi (với kết nối internet) sẽ nhận dữ liệu từ điện thoại của bạn sau đó truyền đến bộ nhận tín hiệu.



③

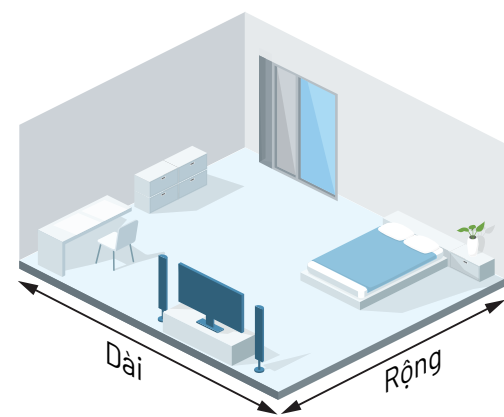
Bộ nhận tín hiệu nhận dữ liệu và điều khiển máy điều hoà không khí dù bạn đang ở đâu.

Tích hợp sẵn trên dòng máy FTKZ. Tùy chọn đối với dòng máy: FTKY, FTKF, ATKF, FTKB, ATKB, FTXM, FTXV, FTHF, ATHF.

- Dòng máy FTKF, ATKF, FTKB, ATKB, FTXV25/35, FTHF25/35, ATHF25/35 cần thêm phụ kiện BRP067A42 và adaptor kết nối mạng không dây BRP072C42.
- Dòng máy FTXV50/60/71, FTHF50/60/71 cần thêm phụ kiện BRP980B42 và adaptor kết nối mạng không dây BRP072C42.
- Dòng máy FTKY cần thêm phụ kiện BRP084C42 được lắp bên trong dàn lạnh và tương thích với Modbus.
- Dòng máy FTXM cần thêm phụ kiện BRP084C44 được lắp bên trong dàn lạnh và tương thích với Modbus.
- Adaptor BRP067A42 được lắp bên trong dàn lạnh và tương thích với Modbus.

HƯỚNG DẪN CÁCH CHỌN CÔNG SUẤT MÁY ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

Tính theo diện tích phòng (Dài x Rộng)

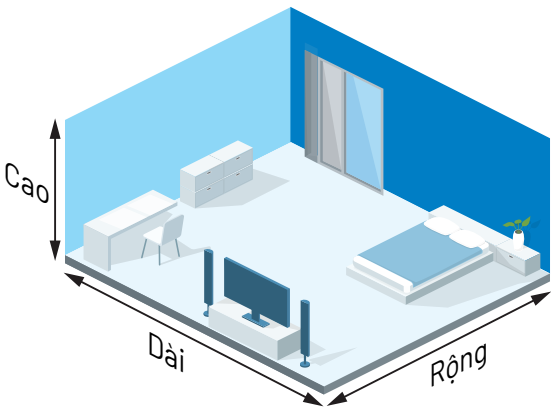


Công suất = 1m² x 600 BTU

Diện tích phòng tham khảo	Công suất máy lạnh Daikin	
Dưới 15 m ²	1,0 HP	~ 9.000 BTU
Từ 15 - 20 m ²	1,5 HP	~ 12.000 BTU
Từ 20 - 30 m ²	2,0 HP	~ 18.000 BTU
Từ 30 - 35 m ²	2,5 HP	~ 21.000 BTU
Từ 35 - 40 m ²	3,0 HP	~ 24.000 BTU

Ví dụ :
Phòng diện tích 3m x 4m (giả sử trần cao 3m)
=> Diện tích phòng : 12m²
=> Dùng công suất 1.0HP

Tính theo thể tích phòng (Dài x Rộng x Cao)



Công suất = 1m³ x 200 BTU

Thể tích phòng tham khảo	Công suất máy lạnh Daikin	
Dưới 45m ³	1,0 HP	~ 9.000 BTU
Dưới 60m ³	1,5 HP	~ 12.000 BTU
Dưới 80m ³	2,0 HP	~ 18.000 BTU
Dưới 105m ³	2,5 HP	~ 21.000 BTU
Dưới 120m ³	3,0 HP	~ 24.000 BTU

Ví dụ:
Phòng diện tích 3m x 4m (giả sử trần cao 4m)
=> Thể tích phòng : 3x4x4 = 48 m³
=> Dùng công suất 1,5HP

Lưu ý :
Trường hợp phòng sử dụng điều hòa không khí có các yếu tố như:
Trần nhà cao (3,5m đến 5m),
Phòng có cửa, cửa sổ hướng Tây (Tây-Nam),
Tầng áp mái, có bếp, nhiều người, nhiều thiết bị điện,... nên chọn máy điều hòa có công suất cao hơn.

Mặt chiều lạnh	
FTKZ	23
FTKY	25
FTKF/ATKF	27
FTKB/ATKB	29
FTF/ATF	31
Hai chiều lạnh sưởi	
FTXM	33
FTXV	35
FTHF/ATHF	37



CHUẨN MỰC MỚI TRONG ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

FTKZ SERIES

Một sản phẩm đẳng cấp với những tính năng độc đáo và ứng dụng công nghệ điều hòa không khí tân tiến của Daikin, FTKZ series đem lại không gian thoải mái chưa từng có.

★★★★★
CSPF LÊN ĐẾN
7.24



FTKZ25/35



FTKZ50/60/71



Chống ẩm mốc kết hợp Streamer



Mắt thần thông minh 2 khu vực



Điều khiển thông minh



Luồng gió 3D



19dBA
Êm như tiếng lá rơi



Chống ăn mòn MCHC



Super PCB

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

THÔNG SỐ KỸ THUẬT			1HP	1.5HP	2HP	2.5HP	3HP	
Công suất danh định	(Tối thiểu - Tối đa)	kW	2.5(1.2-3.6)	3.5(1.2-4.1)	5.2(1.2-6.2)	6.0(1.2-7.1)	7.1(1.2-7.6)	
	(Tối thiểu - Tối đa)	Btu/h	8,500 (4,100-12,300)	11,900 (4,100-14,000)	17,100 (4,100-21,200)	20,500 (4,100-24,200)	24,200 (4,100-25,900)	
Nguồn điện			1 pha, 220-240V, 50Hz / 220-230V, 60Hz					
Dòng điện hoạt động		A	2.3	3.9	6.4	7.7	10.3	
Điện năng tiêu thụ		(Tối thiểu - Tối đa) W	455(160-890)	790(160-1,120)	1,320(185-2,000)	1,600(220-2,140)	2,140(220-2,800)	
CSPF			7.24	6.68	6.69	6.45	5.98	
DÀN LẠNH			FTKZ25VVMV	FTKZ35VVMV	FTKZ50VVMV	FTKZ60VVMV	FTKZ71VVMV	
Màu mặt nạ			Trắng					
Lưu lượng gió	Cao	m ³ /phút	14.6	15.2	18.0	22.1	22.1	
	Trung bình	m ³ /phút	11.0	12.3	14.6	17.0	17.0	
	Thấp	m ³ /phút	7.0	7.9	12.0	12.9	12.9	
	Yên tĩnh	m ³ /phút	4.9	5.6	9.6	10.1	10.1	
Tốc độ quạt			5 cấp, yên tĩnh và tự động					
Độ ồn(Cao/Trung bình/Thấp/Yên Tĩnh)		dB(A)	42 / 33 / 26 / 19	43 / 35 / 28 / 19	45 / 40 / 35 / 29	48 / 42 / 37 / 29	49 / 42 / 37 / 30	
Kích thước(Cao x Rộng x Dày)		mm	300 x 920 x 240			300 x 1,100 x 240		
Khối lượng		Kg	13			15		
DÀN NÓNG			RKZ25VVMV	RKZ35VVMV	RKZ50VVMV	RKZ60VVMV	RKZ71VVMV	
Màu vỏ máy			Trắng ngà					
Máy nén	Loại		Máy nén Swing dạng kín					
	Công suất đầu ra	W	800			1,100		1,100
Môi chất lạnh	Loại		R-32					
	Khối lượng nạp	Kg	0.77			0.60		0.60
Độ ồn(Cao / Rất thấp)		dB(A)	46 / 43	47 / 44	48 / 44	49 / 45	52 / 49	
Kích thước(Cao x Rộng x Dày)		mm	550 x 675 x 284			595 x 845 x 300		595 x 845 x 300
Khối lượng		Kg	27			34	36	36
Giới hạn hoạt động		°CDB	19.4 đến 46					
Kết nối ống	Lồng	mm	ø6.4					
	Hơi	mm	ø9.5			ø12.7		ø12.7
	Nước xả	mm	ø16.0					
Chiều dài tối đa		m	20			30		30
Chênh lệch độ cao tối đa		m	15			20		20

Ghi chú: Các giá trị trên tương ứng với nguồn điện 220V, 50 Hz.
Điều kiện đo lường
1. Công suất lạnh dựa trên: Nhiệt độ phòng 27°CDB, 19°CWB, nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB, chiều dài đường ống 7,5m
2. Mức độ ồn dựa vào điều kiện nhiệt độ như mục 1. Các giá trị quy đổi này không có đội âm.
Độ ồn thực tế đo được thông thường cao hơn các giá trị này do ảnh hưởng của điều kiện môi trường xung quanh.

MÁT LẠNH TRONG LÀNH, THOẢI MÁI TỐI ĐA

FTKY SERIES

Được trang bị công nghệ lọc khí mạnh mẽ Streamer kết hợp cảm biến độ ẩm thông minh, FTKY series không chỉ mang lại bầu không khí trong lành mà còn nâng cao sự thoải mái.

★★★★★

CSPF LÊN ĐẾN

6.28



STREAMER

HUMIDITY
SENSOR

Ezyme
blue-PM2.5

COANDA

Chống ẩm mốc
kết hợp Streamer

Mắt thần
thông minh

Luồng gió 3D

18dBA
Êm như tiếng lá rơi

Chống ẩm mốc
MCHE

Super PCB

THÔNG SỐ KỸ THUẬT			1HP	1.5HP	2HP	2.5HP	3HP
Công suất danh định	(Tối thiểu - Tối đa)	kW	2.70 (1.0 - 3.2)	3.5 (1.2 - 4.1)	5.2 (1.2 - 6.0)	6.0 (1.2 - 6.7)	7.1 (1.2 - 7.5)
	(Tối thiểu - Tối đa)	Btu/h	9,200 (3,400 - 10,900)	11,900 (4,100 - 14,000)	17,700 (4,100 - 20,500)	20,500 (4,100 - 22,900)	24,200 (4,100 - 25,600)
Nguồn điện			1 pha, 220-240V, 50Hz / 220-230V, 60 Hz				
Dòng điện hoạt động		A	3.4	4.7	6.9	8.2	10.3
Điện năng tiêu thụ	(Tối thiểu - Tối đa)	W	700 (130 - 1,020)	1,000 (160 - 1,440)	1,480 (210 - 2,000)	1,740 (220 - 1,950)	2,140 (220 - 2,600)
CSPF			6.28	6.19	6.05	6.23	5.90
DÀN LẠNH			FTKY25WAVMV	FTKY35WAVMV	FTKY50WVMV	FTKY60WVMV	FTKY71WVMV
			FTKY25WMVMV	FTKY35WMVMV			
Màu mặt nạ			Trắng				
Lưu lượng gió	Cao	m ³ /phút	11.5	11.3	16.3	19.9	20.3
	Trung bình	m ³ /phút	9.9	9.3	12.9	15.9	16.7
	Thấp	m ³ /phút	6.8	6.5	10.5	12.6	12.6
	Yên tĩnh	m ³ /phút	4.9	4.5	7.9	8.9	9.9
Tốc độ quạt			5 cấp, yên tĩnh và tự động				
Độ ồn (Cao / Trung bình / Thấp / Yên Tĩnh)		dB(A)	38 / 33 / 25 / 18	39 / 34 / 26 / 19	44 / 37 / 32 / 25	45 / 40 / 35 / 27	46 / 42 / 36 / 29
Kích thước (Cao x Rộng x Dày)		mm	300 x 838 x 240		300 x 920 x 240	300 x 1,100 x 240	
Khối lượng		Kg	11		13	15	
DÀN NÓNG			RKY25WAVMV	RKY35WAVMV	RKY50WVMV	RKY60WVMV	RKY71WVMV
			RKY25WMVMV	RKY35WMVMV			
Màu vỏ máy			Trắng ngà				
Máy nén	Loại		Máy nén Swing dạng kín				
	Công suất đầu ra	W	500	650	1,100	1,100	
Môi chất lạnh	Loại		R-32				
	Khối lượng nạp	Kg	0.46	0.70	0.57	0.60	0.60
Độ ồn (Cao / Rất thấp)		dB(A)	46 / 42	47 / 43	47 / 43	49 / 45	50 / 46
Kích thước (Cao x Rộng x Dày)		mm	550 x 675 x 284		595 x 845 x 300	595 x 845 x 300	
Khối lượng		Kg	22	25	34	36	
Giới hạn hoạt động		°CDB	19.4 đến 46				
Kết nối ống	Lồng	mm	ø6.4		ø6.4		
	Hơi	mm	ø9.5		ø12.7		
	Nước xả	mm	ø16.0		ø16.0		
Chiều dài tối đa		m	15		30		
Chênh lệch độ cao tối đa		m	12		20		

Ghi chú:
Các giá trị trên tương ứng với nguồn điện 220V, 50 Hz.
Điều kiện đo lường
1. Công suất lạnh dựa trên: Nhiệt độ phòng 27°CDB, 19°CWB, nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB, chiều dài đường ống 7.5m.
2. Mức độ ồn dựa vào điều kiện nhiệt độ như mục 1. Các giá trị quy đổi này không có độ âm.
Độ ồn thực tế đo được thường cao hơn các giá trị này do ảnh hưởng của điều kiện môi trường xung quanh.
3. CSPF dựa trên tiêu chuẩn TCVN 7830: 2015

TINH LỘC KHÔNG KHÍ VỚI THIẾT KẾ MỚI

FTKF | ATKF SERIES

Thiết kế mới với phong cách sang trọng cùng 2 đường viền chữ L mang đến nét độc đáo mà vẫn hài hòa trong các không gian nội thất. Sự phối hợp giữa Thiết kế và Công nghệ mang lại cho bạn trải nghiệm hoàn toàn mới với FTKF/ATKF series.

★★★★★

CSPF LÊN ĐẾN

5.38



ATKF25/35
FTKF50/60



Chống ẩm mốc
kết hợp Streamer



Luồng gió 3D



Làm lạnh nhanh



19dBA
Êm như tiếng lá rơi



Chống ăn mòn
MCH



Super PCB

THÔNG SỐ KỸ THUẬT			1HP	1.5HP	2HP	2.5HP
Công suất danh định	(Tối thiểu - Tối đa)	kW	2.7(0.7 - 2.9)	3.6(0.7 - 3.8)	5.3(1.1 - 5.4)	6.0(1.1 - 6.0)
	(Tối thiểu - Tối đa)	Btu/h	9,200 (2,400 - 9,900)	12,300 (2,400 - 13,000)	18,100 (3,800 - 18,400)	20,500 (3,800 - 20,500)
Nguồn điện			1 pha, 220-240V, 50Hz / 220-230V, 60Hz			
Dòng điện hoạt động định mức		A	4.4	5.8	8.7	9.7
Điện năng tiêu thụ định mức (Tối thiểu - Tối đa)		W	930 (120 - 1,100)	1,240 (130 - 1,460)	1,850 (200 - 1,950)	2,060 (215 - 2,100)
CSPF			5.38	5.38	5.20	5.25
DẪN LẠNH			ATKF25YVMV	ATKF35YVMV	FTKF50YVMV	FTKF60YVMV
Màu mặt nạ			Trắng sáng			
Lưu lượng gió	Cao	m ³ /phút	10.0	10.8	13.0	14.1
	Trung bình	m ³ /phút	8.5	8.9	10.6	12.1
	Thấp	m ³ /phút	7.1	7.1	8.6	9.8
	Yên tĩnh	m ³ /phút	4.8	5.5	6.5	7.4
Tốc độ quạt			5 bước, yên tĩnh và tự động			
Độ ồn (Cao/Trung bình/Thấp/Yên Tĩnh)		dB(A)	36 / 32 / 27 / 19	37 / 33 / 28 / 20	44 / 40 / 35 / 25	45 / 42 / 37 / 27
Kích thước (Cao x Rộng x Dày)		mm	286 × 770 × 244			
Khối lượng		Kg	9			
DẪN NÓNG			ARKF25YVMV	ARKF35YVMV	RKF50YVMV	RKF60YVMV
Màu vỏ máy			Trắng ngà			
Máy nén	Loại		Máy nén Swing dạng kín			
	Công suất đầu ra	W	520	520	1,100	1,100
Môi chất lạnh	Loại		R-32			
	Khối lượng nạp	Kg	0.41	0.49	0.78	0.53
Độ ồn (Cao/Rất thấp)		dB(A)	46 / 40*	47 / 40*	49 / 43*	51 / 44*
Kích thước (Cao x Rộng x Dày)		mm	418 × 695 × 244	550 × 675 × 284	550 × 675 × 284	595 × 845 × 300
Khối lượng		Kg	19	24	27	35
Giới hạn hoạt động		°CDB	19.4 đến 46			
Kết nối ống	Lồng	mm	ø6.4		ø6.4	
	Hơi	mm	ø9.5		ø12.7	
	Nước xả	mm	ø16.0		ø16.0	
Chiều dài tối đa		m	15		30	
Chênh lệch độ cao tối đa		m	12		20	

(*) Âm thanh vận hành đạt mức thấp nhất của chế độ Rất thấp khi máy hoạt động ở mức công suất tối thiểu.

Ghi chú: Các giá trị trên tương ứng với nguồn điện 220V, 50 Hz.
Điều kiện đo lường
1. Công suất lạnh dựa trên: Nhiệt độ phòng 27°CDB, 19°CWB, nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB, chiều dài đường ống 7,5m
2. Mức độ ồn dựa vào điều kiện nhiệt độ như mục 1. Các giá trị quy đổi này không có đội âm.
Độ ồn thực tế đo được thông thường cao hơn các giá trị này do ảnh hưởng của điều kiện môi trường xung quanh.
3. CSPF dựa trên tiêu chuẩn TCVN 7830: 2015



HOẠT ĐỘNG ÊM ÁI VÀ TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG

FTKB | ATKB SERIES

Với công nghệ Inverter và máy nén Swing độc quyền Daikin, FTKB/ATKB series mang lại hiệu suất cao, tiết kiệm điện năng tối đa mà vẫn duy trì sự thoải mái với luồng gió dễ chịu Coanda và âm thanh vận hành êm ái.

★★★★★

CSPF LÊN ĐẾN

5.38



FTKB25/35/50/60
ATKB25/35



THÔNG SỐ KỸ THUẬT			1HP	1.5HP	2HP	2.5HP
Công suất danh định	(Tối thiểu - Tối đa)	kW	2.7(0.7 - 2.9)	3.6(0.7 - 3.8)	5.3(1.1 - 5.4)	6.0(1.1 - 6.0)
	(Tối thiểu - Tối đa)	Btu/h	9,200 (2,400 - 9,900)	12,300 (2,400 - 13,000)	18,100 (3,800 - 18,400)	20,500 (3,800 - 20,500)
Nguồn điện			1 pha, 220-240V, 50Hz / 220-230V, 60Hz			
Dòng điện hoạt động định mức		A	4.4	5.8	8.7	9.7
Điện năng tiêu thụ định mức (Tối thiểu - Tối đa)		W	930 (120 - 1,100)	1,240 (130 - 1,460)	1,850 (200 - 1,950)	2,060 (215 - 2,100)
CSPF (FTKB / ATKB)			5.38 / 5.23	5.38 / 5.28	5.20	5.25
DÀN LẠNH			FTKB25YVMV	FTKB35YVMV	FTKB50YVMV	FTKB60YVMV
			ATKB25YVMV	ATKB35YVMV		
Màu mặt nạ			Trắng sáng			
Lưu lượng gió	Cao	m ³ /phút	9.9	10.7	12.9	14.2
	Trung bình	m ³ /phút	8.4	8.8	10.6	12.1
	Thấp	m ³ /phút	7.1	7.1	8.6	9.8
	Yên tĩnh	m ³ /phút	4.8	5.5	6.5	7.4
Tốc độ quạt			5 bước, yên tĩnh và tự động			
Độ ồn (Cao/Trung bình/Thấp/Yên Tĩnh)		dB(A)	36 / 32 / 27 / 19	37 / 33 / 28 / 20	44 / 40 / 35 / 25	45 / 42 / 37 / 27
Kích thước (Cao x Rộng x Dày)		mm	286 × 770 × 244			
Khối lượng		Kg	9			
DÀN NÓNG			RKB25YVMV	RKB35YVMV	RKB50YVMV	RKB60YVMV
			ARKB25YVMV	ARKB35YVMV		
Màu vỏ máy			Trắng ngà			
Máy nén	Loại		Máy nén Swing dạng kín			
	Công suất đầu ra	W	520	520	1,100	1,100
Môi chất lạnh	Loại		R-32			
	Khối lượng nạp	Kg	0.41	0.49	0.78	0.53
Độ ồn (Cao/Rất thấp)		dB(A)	46 / 40*	47 / 40*	49 / 43*	51 / 44*
Kích thước (Cao x Rộng x Dày)		mm	418 x 695 x 244	550 × 675 × 284	550 x 675 x 284	595 x 845 x 300
Khối lượng		Kg	19	24	27	35
Giới hạn hoạt động		°CDB	19.4 đến 46			
Kết nối ống	Lồng	mm	ø6.4			ø6.4
	Hơi	mm	ø9.5			ø12.7
	Nước xả	mm	ø16.0			ø16.0
Chiều dài tối đa		m	15			30
Chênh lệch độ cao tối đa		m	12			20

(*) Âm thanh vận hành đạt mức thấp nhất của chế độ Rất thấp khi máy hoạt động ở mức công suất tối thiểu.

Ghi chú: Các giá trị trên tương ứng với nguồn điện 220V, 50 Hz.
Điều kiện đo lường
1. Công suất lạnh dựa trên: Nhiệt độ phòng 27°CDB, 19°CWB, nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB, chiều dài đường ống 7,5m
2. Mức độ ồn dựa vào điều kiện nhiệt độ như mục 1. Các giá trị quy đổi này không có đội âm.
Độ ồn thực tế đo được thông thường cao hơn các giá trị này do ảnh hưởng của điều kiện môi trường xung quanh.
3. CSPF dựa trên tiêu chuẩn TCVN 7830: 2015 (FTKB); TCVN 7830: 2021 (ATKB)

TIÊU CHUẨN

MÁT LẠNH VÀ BỀN BỈ THEO THỜI GIAN

FTF | ATF SERIES

Một thiết kế phẳng & thời trang với đường viền trắng ngọc trai, FTF / ATF series sẽ tỏa sáng không gian. Được trang bị các công nghệ điều hòa không khí độc đáo của Daikin, bạn hoàn toàn an tâm tận hưởng bầu không khí mát lạnh với FTF/ATF series.

★★★★

CSPF LÊN ĐẾN

3.71





FTF25/35
ATF25/35



FTF50



Tiết kiệm điện



Làm lạnh nhanh



Chế độ
quạt tự động



Cảnh báo gió đơn



Chống ẩm mốc

THÔNG SỐ KỸ THUẬT			1HP	1.5HP	2HP
Công suất lạnh	kW		2.72	3.26	5.02
	Btu/h		9,300	11,100	17,100
Nguồn điện			1 pha, 220V, 50Hz		
Dòng điện hoạt động	A		3.8	4.3	7.9
Điện năng tiêu thụ	W		798	933	1,630
CSPF			3.62	3.71	3.27
DÀN LẠNH			FTF25XAV1V	FTF35XAV1V	FTF50XV1V
			ATF25XAV1V	ATF35XAV1V	
Màu mặt nạ			Trắng		
Lưu lượng gió	Cao	m ³ /phút	10.2	11.4	18.1
	Trung bình	m ³ /phút	8.3	8.3	15.0
	Thấp	m ³ /phút	5.9	7.3	11.9
Tốc độ quạt			5 cấp và tự động		
Độ ồn (Cao/Trung bình/Thấp)	dB(A)		38 / 33 / 26	39 / 33 / 30	45 / 40 / 35
Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	mm		285 x 770 x 242		295 x 990 x 263
Khối lượng	Kg		9		13
DÀN NÓNG			RF25XAV1V	RF35XAV1V	RF50XV1V
			ARF25XAV1V	ARF35XAV1V	
Màu vỏ máy			Trắng ngà		
Máy nén	Loại		Máy nén Rotary dạng kín		
	Công suất đầu ra	W	710	855	1,320
Môi chất lạnh	Loại		R-32		
	Khối lượng nạp	Kg	0.65	0.71	0.73
Độ ồn	dB(A)		50	51	52
Kích thước (Cao x Rộng x Dày)	mm		418 x 695 x 244	550 x 658 x 275	595 x 845 x 300
Khối lượng	Kg		26	30	37
Giới hạn hoạt động			19.4 đến 46		
Kết nối ống	Lông	mm	ø 6.4	ø 6.4	ø 6.4
	Hơi	mm	ø 9.5	ø 12.7	ø 15.9
	Nước xả	mm	ø 16	ø 16	ø 16
Chiều dài tối đa	m		15	20	20
Chênh lệch độ cao tối đa	m		12	15	15

Ghi chú: Các giá trị trên tương ứng với nguồn điện 220V, 50 Hz.
Điều kiện đo lường
1. Công suất lạnh dựa trên: Nhiệt độ phòng 27°CDB, 19°CWB, nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB, chiều dài đường ống 7,5m
2. Mức độ ồn dựa vào điều kiện nhiệt độ như mục 1. Các giá trị quy đổi này không có đơn vị âm.
Độ ồn thực tế đo được thường cao hơn các giá trị này do ảnh hưởng của điều kiện môi trường xung quanh.
3. CSPF dựa trên tiêu chuẩn TCVN 7830: 2015

CÔNG NGHỆ ĐỘT PHÁ, HOÀN HẢO KHÔNG GIAN

FTXM SERIES

Với công nghệ tiên tiến và nhiều tính năng, FTXM series thiết lập tiêu chuẩn mới về hiệu quả năng lượng, lọc khí và sự thoải mái. Được trang bị các công nghệ độc đáo, FTXM series là cam kết của Daikin trong việc cung cấp các giải pháp không khí chất lượng cao.

★★★★★

CSPF LÊN ĐẾN

7.60



FTXM25/35



FTXM50/60/71



THÔNG SỐ KỸ THUẬT				1HP	1.5HP	2 HP	2.5HP	3HP
Công suất danh định (Tối thiểu – Tối đa)	Lạnh	kW		2.7(0.9 – 3.6)	3.6(0.9 – 4.0)	5.3(1.5 – 6.0)	6.2(1.5 – 6.8)	7.1(1.5 – 8.1)
		Btu/h		9,200 (3,100 – 12,300)	12,300 (3,100 – 13,600)	18,100 (5,100 – 20,500)	21,200 (5,100 – 23,200)	24,200 (5,100 – 27,600)
	Sưởi	kW		3.4(0.9 – 4.7)	3.8(0.9 – 4.8)	6.0(1.5 – 7.7)	7.2(1.5 – 8.3)	8.0(1.5 – 9.2)
		Btu/h		11,600 (3,100 – 16,000)	13,000 (3,100 – 16,400)	20,500 (5,100 – 26,300)	24,600 (5,100 – 28,300)	27,300 (5,100 – 31,400)
Nguồn điện				1 pha, 220-230-240V, 50Hz / 220-230V, 60Hz				
Dòng điện	Làm lạnh	Danh định	A	2.6	3.9	5.8	7.3	9.3
	Sưởi			3.2	3.7	6.1	7.9	9.5
Điện năng tiêu thụ	Làm lạnh	Danh định	W	520(160 – 880)	820(160 – 1,120)	1,233(280 – 1,670)	1,575(280 – 1,960)	1,990(280 – 2,610)
	Sưởi			670(160 – 1,460)	770(160 – 1,500)	1,230(300 – 2,020)	1,620(300 – 2,130)	1,800(300 – 2,450)
CSPF				7.60	7.20	6.90	6.50	6.20
DÀN LẠNH				FTXM25XVMV	FTXM35XVMV	FTXM50XVMV	FTXM60XVMV	FTXM71XVMV
Màu mặt nạ				Trắng sáng				
Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/ Thấp/Yên tĩnh)	Làm lạnh	m³/phút		14.5 / 9.9 / 7.2 / 5.1	14.5 / 9.9 / 7.2 / 5.1	20.5 / 16.9 / 13.3 / 9.2	23.7 / 18.3 / 14.0 / 9.7	24.6 / 19.0 / 14.7 / 10.4
	Sưởi			13.4 / 9.9 / 8.8 / 5.1	14.5 / 11.5 / 9.4 / 5.1	20.5 / 15.8 / 11.9 / 9.2	23.7 / 16.7 / 12.8 / 9.7	24.6 / 18.5 / 14.0 / 10.4
Tốc độ quạt				5 cấp, yên tĩnh và tự động				
Độ ồn (Cao/Trung bình/ Thấp/Yên tĩnh)	Làm lạnh	dB(A)		42 / 32 / 25 / 19	42 / 34 / 26 / 19	45 / 40 / 35 / 28	48 / 42 / 36 / 29	49 / 45 / 37 / 30
	Sưởi			40 / 36 / 29 / 20	42 / 36 / 29 / 20	45 / 39 / 33 / 28	48 / 41 / 33 / 29	49 / 43 / 35 / 30
Kích thước	CxRxĐ	mm		299 x 920 x 275		299 x 1,100 x 275		
Khối lượng			Kg	13		15		
DÀN NÓNG				RXM25XVMV	RXM35XVMV	RXM50XVMV	RXM60XVMV	RXM71XVMV
Màu vỏ máy				Trắng ngà				
Máy nén	Loại			Swing dạng kín				
	Công suất động cơ	W		800		1,300		1,500
Môi chất lạnh	Loại			R-32				
	Khối lượng nạp	kg		0.95		1.50		1.60
Độ ồn (Cao/Rất thấp)	Làm lạnh	dB(A)		47 / 43	49 / 44	47 / 44	49 / 45	53 / 49
	Sưởi	dB(A)		48 / 44	49 / 45	48 / 45	52 / 45	54 / 49
Kích thước	CxRxĐ	mm		595 x 845 x 300		695 x 930 x 350		
Khối lượng			Kg	38		53		56
Giới hạn hoạt động	Làm lạnh	°CDB		10 đến 46				
	Sưởi	°CWB		-15 đến 18				
Ống kết nối	Lồng	mm		ø6.4				
	Hơi			ø9.5		ø12.7		ø15.9
	Nước xả			ø16.0				
Chiều dài ống tối đa			m	20		30		
Chênh lệch độ cao tối đa				15		20		

Điều kiện đo
1. Công suất lạnh dựa trên: nhiệt độ trong nhà 27°CDB, 19°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB chiều dài ống 7.5m.
Công suất sưởi dựa trên: nhiệt độ trong nhà 20°CDB, 15°CWB; nhiệt độ ngoài trời 7°CDB, 6°CWB chiều dài ống 7.5m.
Ghi chú: các giá trị trên dựa vào vận hành với nguồn điện 220V, 50Hz.

2. Độ ồn dựa trên điều kiện 1 về nhiệt độ ở trên, là giá trị chuyển đổi không dội âm. Những giá trị này có thể cao hơn chút ít trong vận hành thực tế do tác động của điều kiện xung quanh.
3. CSPF dựa trên điều kiện của TCVN 7830:2015.

TIẾT KIỆM VƯỢT TRỘI, BỐN MÙA THOẢI MÁI

FTXV SERIES

Điều hòa không khí 2 chiều Inverter cao cấp FTXV series với những tính năng độc đáo và được ứng dụng công nghệ tiên tiến của Daikin, sẽ đem lại cho bạn không gian thoải mái tối đa và khả năng tiết kiệm vượt trội, dù khi thời tiết lạnh hay nóng bức.

★★★★★

CSPF LÊN ĐẾN

6.35



FTXV25/35



FTXV50/60/71



Mắt thần thông minh
2 khu vực



Luồng gió 3D



19dBA
Êm như tiếng lá rơi



Chống ăn mòn

THÔNG SỐ KỸ THUẬT				1 HP	1.5 HP	2 HP	2.5 HP	3 HP
Công suất danh định (Tối thiểu - Tối đa)	Lạnh	kW		2.5(0.9 - 3.7)	3.5(0.9 - 4.2)	5.0(1.1 - 6.7)	6.0(1.1 - 7.5)	7.1(2.0 - 8.9)
		Btu/h		8,500 (3,100 - 12,600)	11,900 (3,100 - 14,300)	17,100 (3,800 - 22,900)	20,500 (3,800 - 25,600)	24,200 (6,800 - 30,400)
	Sưởi	kW		3.2(0.9 - 5.3)	3.7(0.9 - 5.3)	6.0(1.0 - 8.0)	7.2(1.0 - 8.6)	8.0(2.0 - 10.6)
		Btu/h		10,900 (3,100 - 18,100)	12,600 (3,100 - 18,100)	20,500 (3,400 - 27,300)	24,600 (3,400 - 29,300)	27,300 (6,800 - 36,200)
Nguồn điện				1 pha, 220-230-240V, 50Hz / 220-230V, 60Hz				
Dòng điện	Làm lạnh	Danh định	A	2.3 - 2.2 - 2.1 / 2.3 - 2.2	3.9 - 3.7 - 3.5 / 3.9 - 3.7	5.5 - 5.3 - 5.1 / 5.5 - 5.3	7.2 - 6.9 - 6.7 / 7.2 - 6.9	9.2 - 8.8 - 8.4 / 9.2 - 8.8
	Sưởi			3.1 - 2.9 - 2.8 / 3.1 - 2.9	3.7 - 3.5 - 3.3 / 3.7 - 3.5	6.4 - 6.1 - 5.8 / 6.4 - 6.1	8.3 - 7.9 - 7.5 / 8.3 - 7.9	9.5 - 9.1 - 8.8 / 9.5 - 9.1
Điện năng tiêu thụ	Làm lạnh	Danh định	W	490 (230 - 1,050)	810 (230 - 1,300)	1,140 (280 - 2,000)	1,520 (280 - 2,380)	1,930 (450 - 3,350)
	Sưởi			650 (190 - 1,480)	770 (190 - 1,440)	1,330 (220 - 2,350)	1,740 (220 - 2,650)	2,020 (390 - 3,580)
CSPF				6.21	6.24	6.35	5.81	4.65
DÀN LẠNH				FTXV250VMV	FTXV350VMV	FTXV500VMV	FTXV600VMV	FTXV710VMV
Màu mặt nạ				Trắng				
Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp /Yên tĩnh)	Làm lạnh	m³/phút		10.0 / 7.1 / 5.0 / 3.6	10.5 / 7.6 / 5.4 / 3.6	16.0 / 13.6 / 11.1 / 8.9	18.6 / 15.0 / 12.0 / 9.1	18.6 / 15.6 / 12.3 / 9.1
	Sưởi			10.1 / 7.7 / 5.5 / 3.5	11.0 / 8.4 / 5.8 / 3.5	17.2 / 14.3 / 11.4 / 9.2	20.0 / 15.9 / 11.4 / 9.7	19.7 / 16.8 / 12.8 / 10.7
Tốc độ quạt				5 cấp, yên tĩnh và tự động				
Độ ồn (Cao/Trung bình/Thấp /Yên tĩnh)	Làm lạnh	dB(A)		40 / 32 / 25 / 19	42 / 34 / 26 / 19	45 / 40 / 35 / 28	48 / 42 / 36 / 29	49 / 45 / 37 / 30
	Sưởi			40 / 34 / 28 / 20	42 / 36 / 29 / 20	45 / 39 / 33 / 28	48 / 41 / 33 / 29	49 / 43 / 35 / 30
Kích thước	CxRxĐ	mm		285 x 770 x 223		295 x 990 x 263		
Khối lượng			Kg	9		13		
DÀN NÓNG				RXV250VMV	RXV350VMV	RXV500VMV	RXV600VMV	RXV710VMV
Màu vỏ máy				Trắng ngà				
Máy nén	Loại			Swing dạng kín				
	Công suất động cơ	W		800		1,300		2,400
Môi chất lạnh	Loại			R-32				
	Khối lượng nạp	kg		0.85		1.50		1.60
Độ ồn (Cao/Rất thấp)	Làm lạnh	dB(A)		47 / 43	49 / 44	47/ 44	49 / 45	53 / 49
	Sưởi	dB(A)		48 / 44	49 / 45	48 / 45	52 / 45	54 / 49
Kích thước	CxRxĐ	mm		550 x 675 x 284		695 x 930 x 350		
Khối lượng			Kg	30		54		60
Biên độ hoạt động	Làm lạnh	°CDB		-10 đến 46				
	Sưởi	°CWB		-15 đến 18				
Ống kết nối	Lồng	mm		ø6.4				
	Hơi			ø9.5		ø12.7		ø15.9
	Nước xả			ø16.0				
Chiều dài ống tối đa			m	20		30		
Chênh lệch độ cao tối đa				15		20		

Điều kiện đo
1. Công suất lạnh dựa trên: nhiệt độ trong nhà 27°CDB, 19°CWB;
nhiệt độ ngoài trời 35°CDB chiều dài ống 5.0m.
Công suất sưởi dựa trên: nhiệt độ trong nhà 20°CDB; nhiệt độ ngoài trời 7°CDB, 6°CWB chiều dài ống 5m.

2. Độ ồn dựa trên điều kiện 1 về nhiệt độ ở trên, là giá trị chuyển đổi không dội âm.
Những giá trị này có thể cao hơn chút ít trong vận hành thực tế do tác động của điều kiện xung quanh.
3. CSPF dựa trên điều kiện của TCVN 7830:2015.

Ghi chú: các giá trị trên dựa vào vận hành với nguồn điện 220V, 50Hz.

MÁT LẠNH MÙA HÈ, ẤM ÁP MÙA ĐÔNG

FTHF | ATHF SERIES

Tận hưởng không khí thoải mái, trong lành và dễ chịu suốt cả năm với dòng máy điều hòa không khí hai chiều Inverter FTHF | ATHF.

Được thiết kế với công nghệ độc đáo Coanda, đưa luồng không khí dọc theo trần nhà, phân bổ không khí tươi mát đều khắp phòng. Đồng thời, sự kết hợp với công nghệ lọc khí tiên tiến Streamer của Daikin mang đến cho bạn không gian thoải mái, trong lành suốt bốn mùa.

★★★★★
CSPF LÊN ĐẾN
6.50



FTHF25/35 | ATHF25/35

FTHF50/60/71

THÔNG SỐ KỸ THUẬT			1 HP	1.5 HP	2 HP	2.5 HP	3 HP
Công suất danh định (Tối thiểu - Tối đa)	Lạnh	kW	2.7(1.0 - 3.4)	3.6(1.2 - 3.8)	5.0(1.6 - 6.0)	6.0(1.6 - 6.7)	7.1(2.1 - 7.5)
		Btu/h	9,200 (3,400 - 11,600)	12,300 (4,100 - 13,000)	17,100 (5,500 - 20,500)	20,500 (5,500 - 22,900)	24,200 (7,200 - 25,600)
	Sưởi	kW	2.75(1.0 - 3.4)	3.6(1.2 - 3.8)	5.0(1.6 - 6.0)	6.0(1.6 - 6.7)	7.1(2.1 - 7.5)
		Btu/h	9,400 (3,400 - 11,600)	12,300 (4,100 - 13,000)	17,100 (5,500 - 20,500)	20,500 (5,500 - 22,900)	24,200 (7,200 - 25,600)
Nguồn điện			1 pha, 220-240V, 50Hz / 220-230V, 60Hz				
Dòng điện (danh định)	Lạnh	A	3.2	5.1	6.1	8.1	10.9
	Sưởi		3.3	5.0	6.1	8.3	10.9
Điện năng tiêu thụ (danh định)	Lạnh	W	630 (160 - 950)	1,075 (160 - 1,130)	1,315 (350 - 1,740)	1,740 (360 - 1,950)	2,370 (700 - 2,500)
	Sưởi		670 (160 - 980)	1,075 (160 - 1,125)	1,315 (350 - 1,740)	1,740 (360 - 1,950)	2,370 (700 - 2,500)
CSPF			6.50	5.70	6.30	5.80	5.60
DÀN LẠNH			FTHF25XVMV	FTHF35XVMV	FTHF50VAVMV	FTHF60VAVMV	FTHF71VAVMV
			ATHF25XVMV	ATHF35XVMV			
Màu mặt nạ			Trắng sáng				
Lưu lượng gió (Cao)	Lạnh	m³/phút	9.9 / 7.5 / 6.5 / 5.4	11.5 / 7.5 / 6.5 / 5.4	17.1 / 15.0 / 12.5 / 8.8	17.1 / 15.0 / 12.5 / 9.4	18.7 / 16.2 / 13.3 / 11.2
	Sưởi		10.4 / 8.9 / 7.5 / 6.7	12.1 / 8.9 / 7.5 / 6.7	18.0 / 15.8 / 13.2 / 11.4	18.0 / 15.8 / 13.2 / 11.4	19.7 / 18.0 / 14.9 / 13.1
Tốc độ quạt			5 bước, yên tĩnh và tự động				
Độ ồn (Cao/Trung bình/Thấp /Yên tĩnh)	Lạnh	dB(A)	40 / 35 / 29 / 23	41 / 36 / 30 / 23	44 / 40 / 35 / 28	44 / 41 / 36 / 30	46 / 42 / 37 / 31
	Sưởi		40 / 35 / 30 / 25	41 / 36 / 31 / 25	44 / 40 / 35 / 32	44 / 40 / 35 / 32	46 / 42 / 37 / 34
Kích thước	CxRxĐ	mm	286 x 770 x 244		295 x 990 x 281		
Khối lượng		Kg	9		13		
DÀN NÓNG			RHF25XVMV	RHF35XVMV	RHF50VAVMV	RHF60VAVMV	RHF71VAVMV
			ARHF25XVMV	ARHF35XVMV			
Màu vỏ máy			Trắng ngà				
Môi chất lạnh	Loại		Máy nén Swing loại kín				
	Công suất đầu ra	W	650		1,200		1,300
Máy nén	Loại		R-32				
	Khối lượng nạp	kg	0.70		1.0		1.05
Độ ồn (Cao/Rất thấp)	Làm lạnh	dB(A)	48 / 42	48 / 44	47 / 44	47 / 44	51 / 45
	Sưởi		48 / 42	48 / 44	48 / 45	49 / 45	52 / 46
Kích thước	CxRxĐ	mm	550 x 675 x 284		595 x 845 x 300		
Khối lượng máy		Kg	26		36		39
Giới hạn hoạt động	Làm lạnh	°CDB	10 đến 46				
	Sưởi	°CWB	1 đến 18				
Ống kết nối	Lông	mm	Ø6.4				
	Hơi		Ø9.5	Ø12.7		Ø15.9	
	Nước xả		Ø16.0				
Chiều dài tối đa		m	15		30		30
Chênh lệch độ cao tối đa			12		20		20

Ghi chú: các giá trị trên dựa vào vận hành với nguồn điện 220V, 50Hz.
Điều kiện đo
1. Công suất lạnh dựa trên: nhiệt độ trong nhà 27°CDB, 19°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB chiều dài ống 7,5m.
Công suất sưởi dựa trên: nhiệt độ trong nhà 20°CDB, 15°CWB nhiệt độ ngoài trời 7°CDB, 6°CWB chiều dài ống 7,5m.
2. Độ ồn dựa trên điều kiện 1 về nhiệt độ ở trên, là giá trị chuyển đổi không đối âm. Những giá trị này có thể cao hơn chút ít trong vận hành thực tế do tác động của điều kiện xung quanh.
3. CSPF dựa trên điều kiện của TCVN 7830:2015.

MÔ TẢ CHỨC NĂNG

LUỒNG GIÓ THOẢI MÁI



Luồng gió thoải mái (Coanda)

Thiết kế mặt nạ Coanda độc đáo đưa luồng gió thổi dọc theo trần nhà và các vách tường, giúp tránh gió thổi trực tiếp vào cơ thể, mang lại cảm giác thoải mái và mang không khí tươi mát đều khắp phòng.



Luồng gió 3D

Kết hợp các cánh đảo gió tự động theo phương ngang và phương đứng để tuần hoàn luồng gió lạnh hoặc ấm đến tất cả góc phòng trong mọi không gian nhà.



Chế độ gió dễ chịu

Chức năng hạn chế luồng gió thổi trực tiếp vào cơ thể người. Để ngăn luồng gió này, cánh đảo gió sẽ chuyển hướng lên trên trong chế độ làm lạnh và hướng xuống dưới trong chế độ sưởi.



Cánh đảo gió kép mạnh mẽ

Cánh đảo hướng gió kép giúp trải rộng không khí lạnh đến các góc phòng. Cánh đảo gió cũng có thể hướng gió ấm trực tiếp xuống sàn khi vận hành chế độ sưởi.



Cánh đảo gió đơn

Cánh đảo hướng gió đơn điều chỉnh miệng gió đạt hình dạng tối ưu nhất. Cánh đảo gió cũng có thể hướng gió ấm trực tiếp xuống sàn khi vận hành chế độ sưởi.



Đảo gió góc trải rộng

Cánh hướng dòng rộng cung cấp luồng gió trải rộng hiệu quả đến khắp nơi trong phòng bất kể vị trí lắp đặt dàn lạnh.



Cánh đảo gió tự động phương đứng (lên và xuống)

Chức năng này tự động di chuyển cánh đảo gió lên xuống để phân phối gió khắp phòng.



Đảo gió tự động theo phương ngang (trái và phải)

Chức năng này tự động di chuyển cánh đảo gió sang 2 bên để phân phối gió khắp phòng.

ĐIỀU KHIỂN TIỆN NGHI



Công nghệ Hybrid Cooling

Tính năng Hybrid Cooling là tính năng giúp cân bằng độ ẩm ngay cả khi làm lạnh ở tải thấp bằng cách cải tiến bộ trao đổi nhiệt của dàn lạnh sang chế độ khử ẩm bất cứ lúc nào.



Dàn lạnh hoạt động êm

Độ ồn dàn lạnh khi hoạt động sẽ êm hơn so với mức tốc độ quạt thấp khi được cài đặt từ điều khiển từ xa.



Dàn nóng hoạt động êm

Độ ồn hoạt động của dàn nóng có thể giảm xuống thấp hơn so với hoạt động định mức khi cài đặt trên điều khiển từ xa.



Tốc độ quạt tự động

Bộ vi xử lý của bo mạch sẽ tự động điều chỉnh tốc độ quạt đến mức cao để nhanh chóng giúp nhiệt độ phòng tiến đến giá trị cài đặt. Khi nhiệt độ phòng đạt đến nhiệt độ cài đặt, chức năng này sẽ tự động giảm tốc độ quạt xuống mức thấp hơn.



Mắt thần thông minh tiêu chuẩn [Tiết Kiệm Năng Lượng]

Mắt thần thông minh sử dụng cảm biến hồng ngoại để tự động điều chỉnh hoạt động của máy điều hòa, dựa vào sự chuyển động của người trong phòng. Nếu không có chuyển động trong vòng 20 phút, máy sẽ tự động điều chỉnh cài đặt lên khoảng 2°C để tiết kiệm điện năng.



Mắt thần thông minh 2 khu vực [Chế độ tập trung và thoải mái]

Cảm biến hồng ngoại của mắt thần thông minh 2 khu vực điều khiển theo 2 cách.

- Nhấn nút lần 1*: chế độ THOẢI MÁI, mắt thần dò tìm trong một khu vực và điều khiển luồng gió ra xa tránh thổi trực tiếp vào người.
- Nhấn lần 2*: chế độ TẬP TRUNG, mắt thần phát hiện chuyển động và điều khiển gió thổi trực tiếp vào người.
- Đồng thời, chế độ tiết kiệm năng lượng sẽ tự động được kích hoạt.

(*) Ở 2 chế độ này, đèn mắt thần sẽ sáng lên tương tự như tính năng Mắt thần thông minh tiêu chuẩn.

- Nhấn nút lần 3: tắt chế độ mắt thần 2 khu vực.



Humidity Sensor (Cảm biến ẩm)

Độ ẩm được giám sát bằng 1 cảm biến ẩn trong dàn lạnh để duy trì sự thoải mái. Máy có thể tăng tần số lên đến điểm trước khi điều kiện đọng sương sinh ra bên trong dàn lạnh.



Chế độ khử ẩm

Bộ vi xử lý của bo mạch sẽ hoạt động để làm giảm độ ẩm trong khi vẫn có thể duy trì nhiệt độ phù hợp nhất. Chế độ này sẽ tự động điều chỉnh nhiệt độ và tốc độ quạt.



Vận hành làm lạnh khử ẩm

Chức năng kết hợp giữa làm lạnh và giảm độ ẩm trong không khí bằng cách làm lạnh ở tốc độ gió thấp, mang lại nhiệt độ phòng thấp hơn.



Chức năng khởi động nóng

Sau khi xả đá hoặc khi khởi động chế độ sưởi, không khí được làm ấm trước khi thổi ra để ngăn gió lạnh gây khó chịu.



Vận hành tự động

Chức năng này tự động chọn chế độ làm lạnh hoặc sưởi ấm dựa vào nhiệt độ phòng khi khởi động.



Sưởi nhanh

Khi nhiệt độ ngoài trời thấp, chức năng này sẽ làm nóng trước máy nén để rút ngắn thời gian tạo ra gió ấm.



Chế độ vận hành chỉ chạy quạt

Chế độ này chỉ vận hành chạy quạt mà không làm lạnh.

TINH LỌC KHÔNG KHÍ



Công nghệ Streamer

Phóng điện Streamer giúp phân hủy vi khuẩn và nấm mốc bám trên phin lọc dưới hình thức phóng điện plasma tiên tiến, nhanh hơn 1000 lần so với phương pháp phóng điện plasma thông thường.



Phin lọc Enzyme Blue

Phin lọc này như một lá chắn bảo vệ, đưa ra một giải pháp tối ưu nhằm mang lại bầu không khí trong lành, loại bỏ mùi hôi và chất gây dị ứng, giảm 99,9% một số loại vi khuẩn, giảm khả năng lây nhiễm vi rút xuống dưới 1: 1000.



Phin lọc Enzyme Blue kết hợp PM 2.5

Mang lại hiệu quả kép, loại bỏ đồng thời các tác nhân gây mùi, chất gây dị ứng, nấm mốc, vi khuẩn, virus và các hạt bụi kích thước 2.5 micromet giúp tinh lọc không khí.



Vận hành chống ẩm mốc

Một giờ ngay sau khi tắt máy, chương trình làm khô sẽ hoạt động với chế độ quạt giúp loại bỏ những hơi ẩm còn lại bên trong dàn lạnh giúp giảm mùi hôi và bụi bẩn.



Chống ẩm mốc tích hợp Streamer

Khi ngưng chức năng làm lạnh hoặc khử ẩm, máy sẽ tự động hoạt động ở chế độ chỉ chạy quạt trong 1 giờ để làm khô bên trong dàn lạnh nhằm giảm sự phát sinh nấm mốc và các mùi khó chịu. Luồng điện Streamer phóng ra và làm khô bên trong dàn lạnh, dàn tản nhiệt và đường thổi gió, vô hiệu hóa các chất độc hại như vi rút, nấm mốc và các chất gây dị ứng giúp làm sạch không khí.



Máng nước xả có thể tháo rời

Máng nước xả là nơi tập trung nước ngưng tụ từ dàn trao đổi nhiệt chảy vào. Máng nước xả có thể tháo rời giúp làm giảm thời gian vệ sinh và đảm bảo công việc vệ sinh được thực hiện sạch sẽ hơn.



Phin lọc PM2.5 (tùy chọn)

Giúp loại bỏ các hạt bụi mịn với đường kính <2.5µm.

TIẾT KIỆM VÀ TIỆN LỢI



Chế độ chờ tiết kiệm điện

Chế độ này giới hạn lượng điện tiêu thụ tối đa và tổng lượng điện tiêu thụ tránh quá tải cho cầu dao.



Chế độ tiết kiệm ECONO

Chế độ này giới hạn dòng điện và điện năng tiêu thụ tối đa để ngăn ngừa quá tải cho cầu dao.



Làm lạnh nhanh inverter

Làm lạnh/Sưởi nhanh trong 20 phút khi bạn muốn thay đổi nhiệt độ phòng một cách nhanh chóng.



Điều khiển từ xa có đèn nền

Màn hình remote với đèn nền LED dễ dàng thao tác trong bóng đêm.



Cài đặt thời gian Mở/Tắt 24 giờ

Chế độ cài đặt thời gian này có thể Mở và Tắt máy điều hòa trong khoảng thời gian 24 giờ.



Cài đặt thời gian Mở/Tắt đếm ngược

Máy điều hòa tự động Mở/Tắt vào buổi sáng hoặc buổi tối theo giờ đã cài đặt.

AN TÂM



Tự khởi động lại máy sau khi mất nguồn điện

Máy điều hòa sẽ ghi nhớ trạng thái cài đặt cho chế độ hoạt động (tự động, làm lạnh, sưởi, khử ẩm hoặc chạy quạt), tốc độ quạt, nhiệt độ... và tự động trở về như cũ sau khi có điện trở lại.



Cánh tản nhiệt dàn nóng được xử lý chống ăn mòn

Các cánh trao đổi nhiệt của dàn nóng được xử lý bằng cách phủ lên bề mặt một lớp nhựa acrylic mỏng giúp tăng khả năng chống mưa axit và sự ăn mòn của muối.



Super PCB - Bảo vệ bo mạch khi điện áp thay đổi

Sản phẩm được trang bị một mạch điện tử có độ bền cao có khả năng chịu được điện áp lên đến 440V.



Tự chẩn đoán sự cố

Mã lỗi được hiển thị trên điều khiển từ xa, giúp việc bảo trì được nhanh chóng và dễ dàng.



Dàn tản nhiệt Microchannel chống ăn mòn

Diện tích truyền nhiệt và lưu lượng gió lớn hơn so với dàn tản nhiệt thông thường. Hiệu suất trao đổi nhiệt cao hơn.



Tự động xả đá

Chế độ này giúp duy trì hiệu suất của máy điều hòa.



NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐIỀU HOÀ KHÔNG KHÍ DAIKIN

HƯNG YÊN, VIỆT NAM



JAPANESE
INDUSTRIAL
STANDARD (JIS)
CERTIFICATION.



OHSAS18001
CERTIFICATION FOR
SAFETY &
OCCUPATIONAL
HEALTH
MANAGEMENT.

Nhà máy Daikin Việt Nam được cấp chứng chỉ
ISO 9001 và JIS Q9001 về quản lý chất lượng
bởi JQA (Hiệp Hội Chất Lượng Nhật Bản)



300 BƯỚC KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

TRƯỚC KHI XUẤT XƯỞNG

Made by **DAIKIN**
Made in Vietnam



Kiểm tra vận hành cơ bản



Kiểm tra an toàn



Kiểm tra rung lắc thân máy



Kiểm tra kháng mưa



Kiểm tra thả rơi



Kiểm tra độ tin cậy



Kiểm tra độ ổn định

DỊCH VỤ SAU BÁN HÀNG

- Hỗ trợ kỹ thuật
- Kiểm tra, sửa chữa và thay thế phụ tùng
- Cài đặt hệ thống
- Bảo trì bảo dưỡng
- Sửa chữa





1 NĂM

BẢO HÀNH THIẾT BỊ



5 NĂM

BẢO HÀNH MÁY NÉN

* Tăng thời hạn bảo hành linh kiện dàn trao đổi nhiệt vi ống (Microchannel) lên 2 năm.
* Hỗ trợ xử lý miễn phí một lần đầu tiên trong vòng 2 năm đối với vấn đề côn trùng gây hư hỏng bo mạch.
Cung cấp đầy đủ các dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng nhằm hạn chế tối đa các sự cố và đảm bảo hiệu quả hoạt động tối ưu cho hệ thống điều hòa không khí trong nhiều năm.

LỢI ÍCH TỪ HỢP ĐỒNG BẢO DƯỠNG CỦA DAIKIN



TIẾT KIỆM



TIN CẬY



AN TOÀN



THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG



THÔNG MINH

TỔNG ĐÀI DỊCH VỤ/ DAIKIN APP 24/7

DỊCH VỤ CHUNG | HỖ TRỢ KỸ THUẬT | THÔNG TIN PHỤ TÙNG | BẢO TRÌ, BẢO DƯỠNG



DỊCH VỤ SAU BÁN HÀNG

HOTLINE

18006777

1800 1577

(miễn phí)

☺ Tổng đài dịch vụ hoạt động từ:
* 7h - 20h: Từ thứ 2 đến Chủ Nhật
Ngoài thời gian hoạt động của tổng đài, khách hàng có thể sử dụng DAIKIN APP để yêu cầu dịch vụ và kênh Zalo hỗ trợ khách hàng để giải đáp thắc mắc.

QR code DAIKIN APP



QR code Zalo hỗ trợ



Thông tin chi tiết, xin vui lòng xem danh sách và thông tin liên hệ các trung tâm dịch vụ Daikin trên toàn quốc tại www.daikin.com.vn/dich-vu

17 TRUNG TÂM DỊCH VỤ VÀ TRẠM DỊCH VỤ

- 1

QUẢNG NINH
Ô 40, Lô B5 Quy hoạch khu dân cư lấn biển
Vũng Đàng, P. Yết Kiêu, TP. Hạ Long,
Tỉnh Quảng Ninh
- 2

HÀ NỘI - BẮC TỪ LIÊM
Lô CN3, Cụm Công Nghiệp tập trung vừa
và nhỏ Từ Liêm, Phú Diễn, P. Minh Khai,
Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- 3

HÀ NỘI - HOÀNG MAI
Lô 01-8B, Cụm Tiểu Thủ Công Nghiệp
Hai Bà Trưng, P. Hoàng Văn Thụ,
Q. Hoàng Mai, Hà Nội
- 4

BẮC NINH
BT2-7, Đường Kinh Bắc 83,
P. Kinh Bắc, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- 5

HẢI PHÒNG
Số 7, Lô 8A, Đường Lê Hồng Phong,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
- 6

VINH
Số 108 Phan Đình Phùng, P. Cửa
Nam, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An
- 7

HUẾ
1 Lô A 63, khu Đô thị mới Mỹ Thượng,
Xã Phú Thượng, Huyện Phú Vang,
Tỉnh Thừa Thiên Huế
- 8

ĐÀ NẴNG
170 Ý Lan Nguyễn Phi,P. Hòa Cường
Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- 9

QUY NHƠN
01 Điện Biên Phủ, Nhơn Bình,
TP. Quy Nhơn, Bình Định
- 10

KHÁNH HÒA
Tầng 8 - Tòa nhà VCN Tower, Số 2 Tổ
Hữu, Khu đô thị VCN, P. Phước Hải, TP
Nha Trang
- 11

BÀ RỊA
25-27 Nguyễn Thanh Đăng
P. Phước Hiệp,TP. Bà Rịa, Vũng Tàu
- 12

TP. HỒ CHÍ MINH - Q.2
Số 100-102 Vũ Tông Phan, P. An
Phú, Q.2, TP. HCM
- 13

TP. HỒ CHÍ MINH - TÂN PHÚ
103 Nguyễn Sơn, P. Phú Thạnh,
Q. Tân Phú, TP. HCM
- 14

BÌNH DƯƠNG
612 Đại lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành,
TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- 15

CẦN THƠ
37-38 Võ Nguyên Giáp, khu dân cư
Phú An, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP.
Cần Thơ
- 16

RẠCH GIÁ
L1.3 Trần Quang Khải, P An Hòa, Rạch
Giá, Kiên Giang
- 17

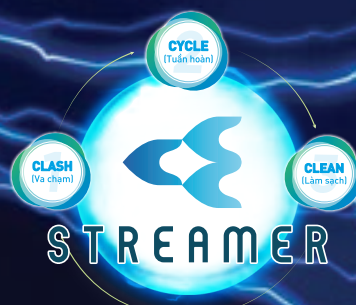
PHÚ QUỐC
Số 28, Tờ bản đồ số 40 Ấp Cây thông
ngoài, Xã Cửa Dương, Huyện Phú Quốc,
Tỉnh Kiên Giang

				
TRỤ SỞ CHÍNH	NHÀ MÁY	CHI NHÁNH	TRUNG TÂM DỊCH VỤ - BÁN HÀNG	CHI NHÁNH / TRUNG TÂM DỊCH VỤ - BÁN HÀNG

108 ĐỐI TÁC DỊCH VỤ TRÊN TOÀN QUỐC

MIỀN BẮC		MIỀN TRUNG		MIỀN NAM	
Hà Nội	27	Vinh	5	Hồ Chí Minh	23
Hải Phòng	3	Huế	4	Bình Dương	3
Bắc Ninh	6	Đà Nẵng	8	Bà Rịa	3
Quảng Ninh	3	Quy Nhơn	2	Rạch Giá	2
		Khánh Hòa	6	Cần Thơ	12
				Phú Quốc	1

CÔNG NGHỆ STREAMER CÔNG NGHỆ DAIKIN



Phân hủy virus, vi khuẩn,
nấm mốc, các chất gây dị ứng
bám trên phin lọc



Vô hiệu hóa các chất
gây hại trong phòng



MÁY LỌC KHÔNG KHÍ



TẠO ẨM AN TOÀN

Hơi sương tỏa ra trong lành và tinh khiết
nhờ có công nghệ Streamer chiếu xạ
diệt khuẩn bên trong khay nước tạo ẩm.



LỌC BỤI PM0.3 (99.9%)

Phin lọc tĩnh điện HEPA ít bị tắc nghẽn
hơn so với phin lọc HEPA thông thường,
từ đó nâng cao hiệu quả lọc sạch không
khí và duy trì hiệu suất lọc của phin theo
thời gian.

PHIN LỌC TUỔI THỌ CAO

Phin lọc khử mùi

**KHÔNG CẦN
THAY THẾ**

Phin HEPA

**TUỔI THỌ
10 NĂM**



MC80ZVM7
m² ~ 62m²



MCK70ZVM7
m² ~ 48m²
700 ml/h



MCK55TVM6
m² ~ 41m²
500 ml/h



MC55UVM6(-7)
m² ~ 41m²



MC40UVM6(-7)
m² ~ 31m²



MC30YVM7
m² ~ 23m²



MCQ30ZVM7
m² ~ 23m²



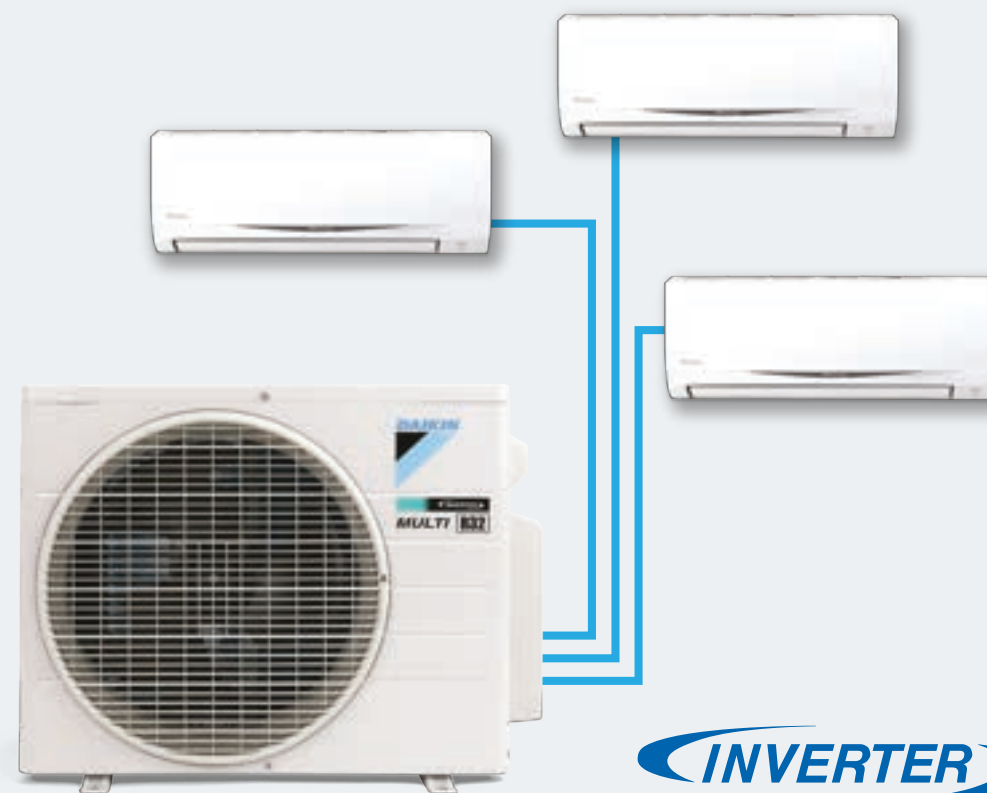
Diện tích phòng áp dụng

Được tính toán bởi phương pháp kiểm nghiệm dựa trên tiêu chuẩn
JEM1467 của Hiệp Hội các nhà sản xuất thiết bị điện tử Nhật Bản.



Công suất tạo ẩm

Công suất tạo ẩm bởi JEM1426 (Máy tạo ẩm điện) với hoạt
động mạnh ở nhiệt độ 20°C và độ ẩm 30%.



INVERTER

MULTI S

Điều hòa đa kết nối
1 DÀN NÓNG DUY NHẤT

1 Làm lạnh nhanh hơn

2 Tiết kiệm điện năng

3 Tiết kiệm không gian lắp đặt dàn nóng



INVERTER

Điều hòa âm trần

SkyAir

**MÁT KHÔNG GIAN
SANG PHONG CÁCH**

1 Giảm hóa đơn tiền điện

2 Luồng gió 360°

3 Không gian hài hòa phong cách

4 Thiết kế và lắp đặt chuyên nghiệp

LƯU Ý

- Yêu cầu người lắp đặt hay nhà thầu có kinh nghiệm để lắp đặt sản phẩm. Không nên lắp đặt mà không có hướng dẫn của nhà sản xuất. Lắp đặt bất cẩn sẽ gây rò rỉ môi chất lạnh hay nước, chập điện, cháy nổ...
- Sử dụng các phụ tùng, linh kiện được cung cấp hoặc đề xuất bởi Daikin. Yêu cầu đơn vị lắp đặt hoặc nhà thầu có chuyên môn lắp đặt những phụ tùng, linh kiện này. Sử dụng các phụ tùng, linh kiện trái phép hoặc lắp không đúng có thể gây rò rỉ nước hay môi chất lạnh, chập điện, cháy nổ.
- Đọc kỹ Hướng dẫn sử dụng trước khi dùng sản phẩm. Tài liệu hướng dẫn cung cấp các chỉ dẫn quan trọng về an toàn cũng như cảnh báo các vấn đề cần lưu ý khi sử dụng. Đảm bảo tuân thủ các hướng dẫn và cảnh báo này.

Mọi thắc mắc, vui lòng liên hệ với DAIKIN VIETNAM hoặc các cửa hàng bán lẻ tại địa phương.

Lưu ý về ăn mòn sản phẩm:

1. Máy điều hòa không khí không nên lắp đặt ở khu vực có chất ăn mòn như axit, kiềm.
2. Trường hợp dàn nóng được lắp đặt ở gần bờ biển, tránh đặt trực tiếp theo hướng gió biển. Vui lòng liên hệ với nhà cung cấp tại địa phương để được tư vấn khi gặp trường hợp này.



CÔNG TY CỔ PHẦN DAIKIN AIR CONDITIONING (VIETNAM)

VĂN PHÒNG CHÍNH

Tầng 12, tòa nhà Nam Á, 201-203 Cách Mạng Tháng 8, P.4, Q.3, TP. Hồ Chí Minh, Tel: (028) 62 504 888

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 12, tòa nhà Ocean Park Tower,
1 Đào Duy Anh, Q. Đống Đa, Hà Nội
Tel: (024) 3565 7677

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Số 7 lô 8A đường Lê Hồng Phong,
P. Đồng Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Tel: (0225) 383 2900

CHI NHÁNH NGHỆ AN

Tầng 2, Tòa nhà Golden City,
25 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Lê Mao, TP Vinh
Tel: (0238) 872 7785

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

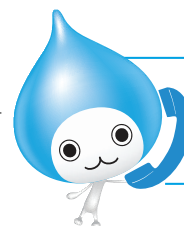
Tầng 12, tòa nhà PVcomBank, Lô A2.1, Đường 30/4,
P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Tel: (0236) 362 4250

CHI NHÁNH KHÁNH HÒA

Tầng 8, tòa nhà VCN, Số 2 Tổ Hữu,
Khu đô thị VCN, P. Phước Hải, TP. Nha Trang
Tel: (0258) 625 8158

CHI NHÁNH CẦN THƠ

37-38 Võ Nguyên Giáp, Khu dân cư Phú An,
P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
Tel: (0292) 626 9977



DỊCH VỤ SAU BÁN HÀNG

HOTLINE
1800 6777
1800 1577
(miễn phí)

DaikinVietnam

www.daikin.com.vn